

Đồng hành Phát triển²

Bài học từ hành trình hơn một thập kỷ làm việc
cùng các cộng đồng dân tộc thiểu số tại Việt Nam



Tháng 7
2021


isee


TIEN PHONG
TRADING COMPANY

Đồng hành Phát triển

Bài học từ hành trình hơn một thập kỷ làm việc
cùng các cộng đồng dân tộc thiểu số tại Việt Nam





MỤC LỤC



LỜI GIỚI THIỆU 7

LỜI MỞ ĐẦU 10

1 | ĐẶT VẤN ĐỀ 12

- 13 **Nhìn về phát triển và văn hóa**
- 15 **Bối cảnh các dự án phát triển ở Việt Nam**
- 16 **Lựa chọn của iSEE khi tham gia vào lĩnh vực phát triển**

2 | CÁC LÝ THUYẾT NỀN TẢNG 20

- 21 **Câu chuyện bình đẳng: Văn hoá, kinh tế, và sự tham gia của cộng đồng**
- 23 **Tiếp cận Nhân học**
- 24 Tương đối văn hóa
- 26 Tiếp cận vấn đề thông qua 3 trụ cột của nhân học
- 28 **Lý thuyết Quyền lực và Diễn ngôn**
- 34 **Khát vọng như một năng lực văn hoá**
- 37 **Lý thuyết về Xây dựng năng lực**
- 38 Sự học và Chu trình học qua trải nghiệm
- 41 Cảm thức cộng đồng và hành động tập thể

3 | CHIẾN LƯỢC VÀ HÀNH ĐỘNG 42

- 43 **Áp dụng tiếp cận Nhân học trong phân tích vấn đề và lựa chọn hành động**
- 44 Tiếp cận chính thể
- 47 Đề cao tính chủ thể
- 54 Lắng nghe góc nhìn của người trong cuộc
- 60 **Phát triển Mạng lưới Tiên Phong vì Tiếng nói của người dân tộc thiểu số**
- 62 Thúc đẩy tinh thần Tự hào – Tự tin – Tự chủ
- 68 Tạo cơ hội để người dân tộc thiểu số chủ động kể về mình
- 70 Tăng quyền năng thông qua tác động đến nhiều chiều cạnh của quyền lực
- 78 Tạo thay đổi xã hội thông qua tác động đến diễn ngôn
- 80 Xây dựng mạng lưới đồng minh

4 | BÀI HỌC KINH NGHIỆM 83

LỜI KẾT 86

Lời giới thiệu

Nội dung được trình bày trong ấn bản mà bạn đọc đang có trên tay gợi tôi nhớ lại một sự kiện đặc biệt diễn ra tại một khán phòng của Học viện âm nhạc quốc gia Hà Nội vào một buổi tối đẹp trời năm 2015. Đó là chương trình “Tôi tin Tôi có thể - Bản hoà ca đa sắc”, một chương trình ca nhạc “tự biên tự diễn” của “Mạng lưới Tiên Phong vì tiếng nói các tộc người thiểu số”. Suốt hơn hai tiếng đồng hồ, dưới ánh đèn sân khấu lung linh, các thành viên của mạng lưới Tiên Phong, đến từ nhiều tộc người thiểu số khác nhau, ở các vùng miền khác nhau, đã làm cho khán phòng tràn ngập năng lượng và cảm xúc tích cực. Những cảm xúc này không chỉ được tạo ra từ sự hấp dẫn của các tiết mục múa, hát mang đậm tính văn hoá tộc người mà còn bởi sự chuyên nghiệp, tự tin của hai người dẫn chương trình và những anh, chị tham gia biểu diễn. Trong hơn hai tiếng tại khán phòng này, khán giả cũng được chính những người biểu diễn, với tư cách là người trong cuộc, diễn giải nhiều câu chuyện mang ý nghĩa tâm linh, nét đẹp văn hoá và nhân văn cũng như tri thức bản địa nằm ẩn sau những điệu múa và tập tục vốn trước đó bị dán nhãn tiêu cực. Tôi tin rằng không chỉ riêng tôi mà nhiều khán giả trong số hơn 400 người ngồi tại khán phòng hôm đó đều nhận thấy rằng các anh, chị người H’Mông, Khơ Me, Thái, Pakoh, Mường, Ê Đê, M’Nông, v.v. đã giải thích ý nghĩa văn hoá và tâm linh của các tiết mục họ chọn biểu diễn một cách đầy tự tin và tự hào. Người xem cũng nhận thấy họ tràn đầy nội lực và sự lạc quan. Làm thế nào để những thành viên của mạng lưới Tiên phong có thể phát huy được nội lực trên nền tảng niềm tự hào và tự tin để thực hiện thành công sự kiện khó quên này nói riêng và các sự kiện lớn ở cấp địa phương và quốc gia sau này nói chung (như “Tri thức bản địa – Mạch sinh nguồn sống”, “Về miền nhớ, Tới miền thiêng”, tọa đàm “Miền núi có cần tiến kịp miền xuôi?”, “Đặt câu chuyện mình”, “Dùng trái tim soi việc đúng”, “Nghe từ lòng dân”, vv..)? Quan điểm tiếp cận nào và phương thức gì có thể làm cho các tộc người thiểu số tự tin, tự quyết, tự lựa chọn con đường và lối đi cho tương lai của cộng đồng, giống như những gì mạng lưới Tiên phong đã và đang làm?

Đáp án cho những câu hỏi này, theo tôi, là vấn đề mấu chốt, có ý nghĩa quan trọng về mặt phương pháp luận trong thực hành phát triển cộng đồng. Vấn đề này trở nên có ý nghĩa hơn cho hoạt động phát triển ở vùng các tộc người thiểu số khi chúng ta biết rằng, ở Việt Nam, truyền thống văn hoá, lối sống, nếp nghĩ và nội lực vốn có

của các tộc người thiểu số, những thứ đã giúp họ tồn tại một cách bền vững hàng trăm năm, đã và vẫn đang bị đánh giá, nhìn nhận khá tiêu cực dưới góc nhìn tiến hoá luận đơn tuyến. Những nhận xét, đánh giá tiêu cực, được chuyển tải trên truyền thông, trong chính sách, trong các diễn ngôn và triết lý phát triển chính thống trong một thời gian dài. Điều này khiến cho các tộc người thiểu số, ở một mức độ nào đó, bị lệ hoá và tự lệ hoá nội lực và giá trị văn hoá tộc người. Điều này dẫn đến hệ quả là, nhiều cộng đồng, như quan sát của Jameson và các cộng sự (1998:16): “...đánh giá chính bản thân họ bằng các chuẩn mực của người Kinh từ trường học, từ phương tiện thông tin đại chúng cũng như từ cuộc sống hàng ngày và nhập tâm [internalize] sự ‘kém cỏi’ hơn của mình”. Phát triển, theo nhiều người, vì vậy, đơn giản là những nỗ lực nhằm khóa lấp sự “kém cỏi” và bồi đắp sự “thiếu hụt” theo tiêu chí đánh giá phát triển áp đặt từ bên ngoài và từ góc nhìn của người ngoài.

Việc cho ra đời ấn bản “Đồng hành cùng phát triển - Bài học từ hành trình hơn một thập kỷ làm việc cùng các cộng đồng dân tộc thiểu số tại Việt Nam” là một nỗ lực đáng ngưỡng mộ và trân trọng của ISEE. Nội dung của cuốn sách phần nào giúp chúng ta tìm ra các câu trả lời được câu hỏi nêu trên. Đúc rút các bài học kinh nghiệm từ thực tiễn hoạt động phát triển cộng đồng cùng các nhóm tộc người thiểu số trong hơn một thập kỷ qua của ISEE, cuốn sách cung cấp cho bạn đọc những chiếc chìa khoá mang tính phương pháp luận để vượt qua những hạn chế và sự bế tắc của các quan điểm, cách thức và đích đến của các hoạt động phát triển chủ đạo trước đây và hiện nay. Như thể hiện ở về đầu tiêu đề của cuốn sách, xuất phát từ quan điểm tiếp cận của ngành Nhân học, ISEE coi việc “đồng hành”, thay vì là “hướng dẫn”, “làm cho” hay “làm thay” như là một trong những quan điểm cốt lõi trong các hoạt động phát triển cộng đồng của mình. Tâm thế “đồng hành”, từ góc độ của người làm phát triển, cho phép những cán bộ của ISEE có cơ hội gắn kết, từ đó thấu hiểu văn hoá, lối sống, vũ trụ quan cũng như ước vọng của các cộng đồng. Tâm thế này, từ góc nhìn của người địa phương, giúp xóa bỏ rào cản của mối quan hệ quyền lực, từ đó làm cho các cộng đồng có thể tự tin, tự chủ với hoạt động phát triển với tư cách của những đối tác bình đẳng về tri thức, quyền lợi và vị thế.

Ngoài việc sử dụng quan điểm tiếp cận nhân học, ISEE còn sử dụng hai khái niệm lý thuyết khác là diễn ngôn [discourse] và khát vọng [aspiration] như là những kim chỉ nam trong thiết kế can thiệp để tạo sự thay đổi. Trong khi diễn ngôn giúp chỉ ra cơ cấu quyền lực nằm đằng sau những câu, từ mang tính định kiến về văn hoá và lối sống của các tộc người thiểu số, thì “khát vọng”, theo cách dùng của nhà nhân học Appadurai, giúp các cộng đồng có thể tự chủ, tự lực xác định các đường hướng phát triển cho họ mà không phụ thuộc vào các mô hình và tiêu chí phát triển từ bên ngoài.

Trong bối cảnh định kiến và tự định kiến về lối sống và văn hoá tộc người tộc người thiểu số hiện nay và mô hình phát triển theo hướng tiến hoá luận đơn tuyến đang được coi là mô hình đúng duy nhất, cho dù nó để lại nhiều hệ quả không mong đợi, những bài học kinh nghiệm trình bày trong ấn phẩm này thực sự có ý nghĩa. Được tham gia các hoạt động phát triển cùng ISEE trong hơn một thập kỷ qua, tôi thấy rằng quan điểm và cách thức làm phát triển mà ISEE đã và đang làm, trên thực tế, đã giúp xoá bỏ sự tự định kiến, khơi gợi sự tự hào về các giá trị văn hoá tộc người, cũng như gây dựng sự tự tin trong chính bản thân các cá nhân và tộc người thiểu số. Cách làm này cũng khuyến khích và thúc đẩy người dân tự khám phá, nhìn nhận và đánh giá lại các giá trị văn hoá - xã hội và hệ thống tri thức địa phương của họ.

Trong công trình xuất bản năm 1995 “Encountering development: the making and unmaking of the Third World”, trên cơ sở phân tích sự thất bại của các mô hình và cách làm phát triển theo hướng tiến hoá luận đơn tuyến, nhà nhân học Arturo Escobar khuyến nghị rằng, thay vì loay hoay tìm kiếm các mô hình phát triển khác nhau [development alternatives] để theo đuổi mục tiêu cũ, chúng ta phải tìm kiếm các lựa chọn khác để thay thế cho cái gọi là “phát triển” [alternatives for development]. “Đồng hành cùng phát triển” trong chặng đường hơn một thập kỷ qua của ISEE với các nhóm tộc người thiểu số một phần đã và sẽ làm được điều này. Tôi tin là, nếu những chìa khoá mang tính phương pháp luận này được sử dụng rộng rãi hơn trong các hoạt động phát triển cộng đồng ở Việt Nam, chúng ta sẽ còn được chứng kiến nhiều hơn nữa những hoạt động tạo ra những thay đổi tích cực bởi và cho cộng đồng các tộc người thiểu số như sự kiện “Tôi tin - tôi có thể” mà mạng lưới Tiên phong đã làm.

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc!

Hà Nội, 16/8/2021

Hoàng Cẩm

Viện Nghiên cứu Văn hoá,
Viện Hàn Lâm KHXH Việt Nam

Lời mở đầu

Trên chặng đường hoạt động và xây dựng chương trình Dân tộc thiểu số, chúng tôi đi lên từ những nghiên cứu dưới góc tiếp cận nhân học, lấy trải nghiệm và hoạt động của cộng đồng các tộc người thiểu số làm trung tâm. Trong quá trình này, chúng tôi đã nhìn thấy chính mình trong những phê phán về tư duy phát triển của số đông. Chúng tôi dần tích lũy tri thức và thấu hiểu hơn những trở ngại mang tính hệ thống đối với các nhóm dân tộc thiểu số. Một trong những trở ngại lớn nhất là sự chấp nhận một cách thiếu phê phán trên diện rộng đối với tư duy tiến hoá luận, lối suy nghĩ cho rằng họ luôn mặc nhiên ở nấc thang phát triển thấp hơn so với người Kinh. Với niềm tin mạnh mẽ vào tính chủ thể và năng lực văn hoá của cộng đồng, và nhất là những thay đổi do chính cộng đồng tạo ra, trong hơn một thập kỷ qua, chúng tôi đã có cơ hội đồng hành và trải nghiệm hành trình Tự hào - Tự tin- Tự chủ với cộng đồng các dân tộc thiểu số trên lãnh thổ Việt Nam. Mục tiêu của chúng tôi là cùng với họ bồi đắp khát vọng tạo dựng một tương lai chung, nơi câu chuyện của cộng đồng các dân tộc thiểu số được chia sẻ, lắng nghe, thấu hiểu, và trở thành một nguồn cảm hứng cho suy tư về bình đẳng và phát triển. Hành trình này của chúng tôi đi qua rất nhiều thách thức, với nhiều hoài nghi từ bên ngoài cũng như sự phản tư từ chính những người xây dựng và tham gia. Đó cũng là tiến trình tất yếu để thử thách và củng cố niềm tin vào sức mạnh của cộng đồng, cũng chính là triết lý phát triển mà chúng tôi đã và đang theo đuổi.

Tài liệu này là một phần trong nỗ lực tái hiện và chia sẻ rộng rãi triết lý phát triển ấy. Với cấu trúc 4 phần có liên hệ chặt chẽ và phản ánh lẫn nhau, chúng tôi bắt đầu với phần **Đặt vấn đề** lý giải những băn khoăn và lựa chọn vào thời điểm bắt đầu, tiếp đến giới thiệu các **Lý thuyết nền tảng** mà chúng tôi đã may mắn được tiếp cận và học hỏi. Phần 3 minh họa các **Chiến lược và hành động** mà Viện iSEE đã vận dụng các lý thuyết trong triển khai thực tế cùng với cộng đồng. Cuối cùng, phần 4 tổng kết những **Bài học kinh nghiệm** chúng tôi tự đúc kết sau chặng đường hơn một thập kỷ.

Chúng tôi vô cùng biết ơn các nhà nghiên cứu TS. Phạm Quỳnh Phương, TS. Hoàng Cẩm, TS. Nguyễn Thu Giang đã truyền cảm hứng và giúp chúng tôi tiếp cận với các lý thuyết từ những ngày đầu tiên. Chúng tôi trân trọng sự ủng hộ và hợp tác của các tổ chức đối tác như Đại sứ quán Ireland, Đại sứ quán Canada, Đại sứ quán Hà Lan, Ủy ban Dân tộc, Tổ chức CCFD Terre-Solidaire, Tổ chức CARE Quốc tế tại Việt Nam, Tổ chức Oxfam tại Việt Nam, Tổ chức Plan International Việt Nam, Trung tâm xây dựng năng lực cộng đồng CECM v.v. Chúng tôi chân thành cảm ơn các đồng nghiệp và các tư vấn đã đặt nền móng, cùng xây dựng và chia sẻ trong suốt những năm qua. Cuối cùng, xin gửi lời cảm ơn đặc biệt nhất tới các thành viên Mạng lưới Tiên Phong vì tiếng nói của người dân tộc thiểu số đã tin tưởng và đồng hành với chúng tôi trên hành trình học hỏi và hiện thực hóa niềm tin của mình.

Trong quá trình hoàn thành tài liệu này, chúng tôi được tham vấn và hỗ trợ rất nhiều từ các chuyên gia và các thể hệ lãnh đạo iSEE - Th.S. Lê Quang Bình, Th.S Lương Minh Ngọc và Th.S Lương Thế Huy. Chúng tôi cũng nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình của TS. Nguyễn Thu Giang trong vai trò hiệu đính.

Chúng tôi hy vọng độc giả sẽ tìm được những kiến thức và kinh nghiệm bổ ích qua những chia sẻ của mình, và hơn thế nữa, có thêm động lực để tiếp tục tìm tòi và khám phá những cách làm mới để tạo ra sự phát triển có ý nghĩa.

Thân mến,

Nhóm biên soạn

Phần 1

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhìn về phát triển và văn hoá

Khi nhắc đến “phát triển”, hình dung đơn giản nhất mà chúng ta hay nghĩ đến là những thang đo kinh tế. Ví dụ, “Thế giới thứ ba” là cụm từ được sử dụng để chỉ chung các nước “kém phát triển” nhằm phân biệt với “Thế giới thứ nhất” - các cường quốc hùng mạnh về phát triển kinh tế. Trong các báo cáo toàn cầu, các quốc gia thường được xếp hạng thành nước thu nhập thấp, trung bình thấp, trung bình cao và cao, tương ứng với đó là mặc định về mức độ phát triển. Thang đo cao - thấp về phát triển kinh tế dường như vận hành mọi mặt trong mối quan hệ giữa các quốc gia và chi phối cuộc sống của hàng tỷ người.

Làn sóng viện trợ của Mỹ và các nước châu Âu tới các nước kém phát triển ở châu Phi, Nam Mỹ, và châu Á bắt đầu từ giữa thế kỷ 20¹. Khác với giai đoạn thực dân trước đó, khi việc “truyền bá văn minh” thường đi kèm với việc tước đoạt đất đai, các tổ chức viện trợ được hình thành ở khắp nơi sau Đại chiến thế giới thứ hai để xây dựng cơ sở vật chất và can thiệp vào đời sống xã hội thông qua con đường hoà bình. Mục tiêu hướng tới là thúc đẩy “phát triển” - điều được xem là tốt đẹp cho những đất nước thuộc Thế giới thứ ba. Bước sang thế kỷ 21, các mục tiêu phát triển mang tính toàn cầu tiếp tục hướng tới việc tăng trưởng kinh tế để giảm bớt nghèo đói và bất bình đẳng xã hội. Từ những hoạt động hỗ trợ sơ khai ban đầu, những dự án thúc đẩy kinh tế ngày một phổ biến thông qua phát triển sinh kế, tín dụng vi mô, thương mại hoá sản phẩm nông nghiệp, và trở thành mô hình quen thuộc ở nhiều nơi trên thế giới.

Khi phát triển trở thành một lĩnh vực hoạt động chuyên nghiệp, cách tiếp cận theo hướng kinh tế cũng được áp dụng rộng rãi, kèm theo đó là hệ thống thang đo, khung đánh giá và mô hình can thiệp chú trọng vào định lượng. Dễ thấy rằng trong việc quản lý các dự án phát triển, thứ được nhìn vào đầu tiên thường là những chỉ số: số người tham gia, số người hưởng lợi, số trường đã xây, số người được tiếp cận cầu đường v.v. Với hướng tư duy này, các yếu tố văn hóa và tính chủ thể của người trong cuộc dễ bị bỏ qua. Vai trò “đối tượng hưởng lợi” được ấn định sẵn cho các thành viên của cộng đồng, và theo lẽ đó, tính tự động đã được cài đặt ngay trong mô hình dự án. Vốn tri thức văn hoá và động năng bên trong của các cộng đồng trở thành yếu tố thứ yếu, bị gạt ra bên lề.

Việc xem nhẹ các yếu tố văn hoá và tính chủ thể của cộng đồng trong các dự án phát triển là nguyên nhân chính đóng góp vào tính thiếu hiệu quả và thiếu bền vững của các chương trình viện trợ và từ thiện. Trong bài nói chuyện trên Ted Talk của mình, Ernesto Sirolli, nhân vật kỳ cựu trong việc triển khai các dự án phát triển tại

¹ Trong bài phát biểu nhậm chức năm 1949, tổng thống Mỹ Harry S. Truman đưa ra chiến lược quan hệ quốc tế dựa trên các tiêu chuẩn về mức độ “phát triển”, từ đó chính thức đưa “phát triển” trở thành chuẩn mực trong việc phân loại quốc gia sau Đại chiến Thế giới lần thứ hai.

châu Phi từ những năm 1970, đã thẳng thắn chỉ ra những thất bại và mặt trái của “ngành công nghiệp viện trợ”. Ban đầu, quá trình khảo sát khiến ông và đồng nghiệp kinh ngạc khi ở thung lũng màu mỡ của sông Zambezi tại Zambia không có dấu vết và nỗ lực thực hành nông nghiệp để tận dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá ở nơi này. Cho rằng cư dân nơi đây thiếu kiến thức nông nghiệp và chưa có hiểu biết về cơ hội phát triển sinh kế, tổ chức của Ernesto tìm cách giải quyết vấn đề bằng cách truyền đạt cho người dân cách trồng cà chua và bí ngòi giống Italia. Khi không ai hứng thú tham gia, tổ chức này trả tiền để người dân đồng thuận làm theo ý tưởng của mình. Mùa vụ thu hoạch với cây trái trĩu quả khiến cho Ernesto rất yên tâm về cách tiếp cận của dự án, cho tới khi một đàn hà mã 200 con ủa tới tấn công và ăn sạch mùa vụ chưa kịp thu hoạch chỉ trong một đêm. Ernesto nhận ra tổ chức của mình chưa từng hỏi hay tham vấn người dân bản địa về lý do họ không trồng trọt tại vùng đất màu mỡ đó, trái lại chỉ mãi nghĩ đến việc thay đổi lối sống và tư duy của cộng đồng, hướng họ đến một đời sống với năng suất cao theo cách nghĩ của phương Tây.

Hơn lúc nào hết, định nghĩa về phát triển cần được nhìn nhận lại với một cách tiếp cận toàn diện hơn. Báo cáo Phát triển Con người, Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) đã từng định nghĩa phát triển là mở rộng lựa chọn của mọi người để họ tự dẫn dắt cuộc sống mà họ mong muốn. Kofi Annan, nguyên tổng thư ký Liên hợp quốc từng khẳng định: “Một đất nước phát triển là nơi cư dân của họ có được cuộc sống tự do và lành mạnh trong một môi trường an toàn”. Joseph Stiglitz, nhà kinh tế học nổi tiếng của Mỹ cũng nhận định: “Phát triển là về sự thay đổi cuộc sống của con người, mà không chỉ là thay đổi nền kinh tế”. Phát triển, nhìn rộng ra, luôn bao hàm trong nó khía cạnh văn hoá, xã hội, chính trị, nơi giá trị và hệ thống niềm tin được nuôi dưỡng và bám rễ suốt chiều dài lịch sử, nơi nhân loại tương tác và thay đổi lẫn nhau, và nơi thân phận con người cần được thấu hiểu trước khi can thiệp có thể diễn ra. Một mặt, nền tảng văn hoá của các cộng đồng chính là nguồn lực then chốt giúp họ làm chủ đời sống qua nhiều thế hệ - điều được củng cố và duy trì trong bối cảnh cụ thể tại mỗi địa phương và được tôi luyện sau nhiều biến động chính trị, xã hội. Mặt khác, cũng thông qua văn hoá mà các trật tự bất bình đẳng, bao gồm không chỉ bất công về kinh tế mà còn về nhân phẩm, trở thành những định kiến ăn sâu bén rễ vào cách suy nghĩ của số đông. Định kiến văn hoá là rào cản khó vượt qua không kém sự chênh lệch về cơ hội sinh kế. Điều này có nghĩa là tiếp cận vấn đề phát triển từ góc độ văn hoá và từ góc nhìn của cộng đồng cần được chú trọng không kém việc can thiệp vào kinh tế. Nhận thức này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh các dự án phát triển ở Việt Nam, nơi yếu tố văn hoá vẫn thường bị cho là thứ yếu.

Bối cảnh các dự án phát triển ở Việt Nam

Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (INGOs) có quan hệ với Việt Nam rất sớm. Ngay sau năm 1975 đã có khoảng 70 tổ chức INGOs đặt quan hệ với Việt Nam với giá trị viện trợ khoảng 30 triệu đô la Mỹ/năm, chủ yếu viện trợ nhân đạo (lương thực, thuốc men...) giúp Việt Nam khắc phục hậu quả chiến tranh. Từ năm 1986, nhờ chính sách Đổi mới và chủ trương về hội nhập quốc tế của Việt Nam, các tổ chức INGO tăng lên khoảng 650 tổ chức vào năm 2006. Trong số đó, có trên 500 tổ chức có hoạt động thường xuyên, có dự án và đối tác Việt Nam và giá trị viện trợ năm 2006 là 217 triệu USD².

Các hoạt động can thiệp của các INGOs thay đổi từ can thiệp trực tiếp như xây trường học, xây dựng các công trình thủy lợi và cung cấp nước sạch, các dự án tín dụng tiết kiệm cung cấp vốn vay v.v. giai đoạn những năm 90, dịch chuyển dần sang các dự án về xây dựng năng lực và vận động chính sách những năm gần đây. Các đối tượng của dự án dần mở rộng từ người nghèo sang các nhóm có đặc tính cụ thể hơn như người khuyết tật, người có H, người LGBTQI+, phụ nữ nghèo, nhóm dân tộc thiểu số, công nhân v.v.

Chương trình viện trợ của các INGOs được nhìn nhận là các hỗ trợ phát triển tập trung vào những vùng còn nghèo, vùng sâu, vùng xa và vào các lĩnh vực phù hợp với các ưu tiên và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, đặc biệt là xoá đói giảm nghèo và phát triển bền vững. Nói về sự trợ giúp của INGOs nước ngoài một tài liệu của bộ ngoại giao đã viết “không chỉ là viện trợ vật chất mà bao gồm cả chuyển giao kinh nghiệm, công nghệ, nâng cao dân trí, chăm sóc y tế, phổ cập giáo dục”³. Những cụm từ như “chuyển giao kinh nghiệm, công nghệ, nâng cao dân trí” hàm ý rằng phát triển là đi từ yếu kém đến giỏi hơn, từ lạc hậu đến văn minh hơn.

Theo Ngân hàng thế giới, sự phát triển của Việt Nam trong hơn 30 năm qua rất đáng ghi nhận. Tỷ lệ nghèo giảm mạnh từ hơn 70% xuống còn dưới 6%. Tuy nhiên, đại bộ phận người nghèo còn lại ở Việt Nam là người dân tộc thiểu số. Mặc dù chỉ chiếm khoảng 15% dân số nhưng các nhóm dân tộc thiểu số luôn chiếm tới 70 - 80% người nghèo trong cả nước và có xu hướng gia tăng - 72% vào năm 2018 và hiện nay là 86%.

Một câu hỏi cần đặt ra là vì sao kết quả của các dự án giảm nghèo không có nhiều tác động tới cộng đồng dân tộc thiểu số hay nói một cách khác là phải chăng những mô hình phát triển đang được cho là áp dụng thành công với cộng đồng đa số lại không phù hợp với các cộng đồng dân tộc thiểu số? Như Arturo Escobar (1995) đã gợi ý, thay vì loay hoay tìm kiếm các mô hình phát triển thay thế [development alternatives] để theo đuổi mục tiêu phát triển cũ với nội hàm cũ, cần thiết phải tìm kiếm các lựa chọn khác thay cho cái gọi là “phát triển” [alternatives for development].

^{2,3} <https://sngv.thuathienhue.gov.vn/?gd=26&cn=904&tc=310>

Lựa chọn của iSEE khi tham gia vào lĩnh vực phát triển

Trong bản đề án thành lập Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE), khác với cách lý giải truyền thống bằng các phân tích vĩ mô, mục đích to lớn, hay các vấn đề quan trọng, những người sáng lập iSEE lại bắt đầu từ câu chuyện về một người phụ nữ ở Hà Tây. Người sáng lập iSEE đã viết “Trong một lần đi công tác, đầu giờ sáng tôi đến UBND xã và thấy một người phụ nữ trông rất lam lũ, ôm nón ngồi ở ngoài có dáng vẻ đợi ai đó. Đến trưa, đi phỏng vấn về, tôi vẫn thấy chị nhẩn nại vẫn về nón ngồi chờ. Hỏi ra mới biết chị đang đợi chủ tịch xã về xin một cái dấu chứng nhận gia đình nghèo để miễn viện phí cho con. Con chị bị ung thư máu đang nằm điều trị trên Hà Nội, nhưng chị vẫn phải đợi để xin một con dấu. Đây chính là một trong nhiều động lực để những người sáng lập iSEE muốn tạo ra sự thay đổi, để những người như chị phụ nữ ấy không phải ôm nón đợi chờ khi con mình nằm viện.” Chúng tôi tin rằng kết quả của phát triển không phải là con số mà là khuôn mặt những con người cụ thể và quan tâm đến thân phận của từng con người. Đó là lý do những ngày đầu thành lập sau khi phân tích về các nhóm đang bị lệ hóa, iSEE đã chọn làm với 2 nhóm thiểu số: Dân tộc thiểu số và Tỉnh dực thiểu số.

Để bắt đầu làm việc với các nhóm dân tộc thiểu số, ban đầu iSEE tập trung vào nghiên cứu, phân tích và phản biện chính sách. Những nghiên cứu và đánh giá đầu tiên đã chỉ ra những trở ngại mang tính hệ thống đối với sự phát triển của các cộng đồng, đó là định kiến kỳ thị.

Trong một thời gian dài, nhiều thực hành văn hóa xã hội của các dân tộc thiểu số tại Việt Nam bị coi là “lạc hậu”, “kém văn minh” hơn nhóm đa số. Những phong tục tập quán bị tách ra khỏi hệ thống niềm tin, giá trị cội nguồn, đặt trong thang đánh giá của số đông, và vì thế, vai trò ra quyết định của các chủ thể thực hành văn hoá đó chưa được đề cao. Để “miễn núi tiến kịp miền xuôi, người thiểu số tiến kịp người đa số”, các thực hành văn hóa xã hội truyền thống của các tộc người ít người có xu hướng bị biến mất hoặc đồng hóa theo các nhóm “có trình độ phát triển cao hơn”.

Những nhận thức mang tính xếp loại về trình độ phát triển thấp của các nhóm dân tộc thiểu số đã trở thành cơ sở khoa học cho nhiều chính sách, dự án tại vùng cao, cũng như khiến cho trong các văn bản chính sách và suy nghĩ của những người làm phát triển hàm chứa những ngôn từ mang màu sắc định kiến. Quan điểm phê phán “sự lạc hậu” của người dân tộc thiểu số, coi đó là rào cản cho sự phát triển của họ, vẫn còn khá phổ biến. Sự “hiện đại hóa”, tính ưu việt của các kỹ thuật mới, sự cần thiết phải thay đổi lối làm ăn tự cung tự cấp và “lạc hậu” của các cộng đồng được xem như là tối cần thiết để cho người dân tộc thiểu số có một tương lai tươi sáng hơn. Trong các lý giải về những khó khăn khi triển khai chính sách tại các vùng dân tộc thiểu số, các diễn ngôn về “trình độ phát triển thấp” thường xuyên được đề cập. Sản xuất hàng hóa thị trường dường như được coi là giải pháp tất yếu cho sự thành công của việc xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, theo kinh nghiệm của các nước trên thế giới, kinh tế thị trường không phải là mô hình phát triển duy nhất có thể mang lại lợi ích bình đẳng cho tất cả các nhóm, đặc biệt các nhóm không có lợi thế hoặc dễ bị tổn thương. Giải pháp phi thị trường trong một số trường hợp sẽ phù hợp với nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số, có tính đến quan điểm đa dạng văn hoá và tìm được sức mạnh nội tại của chính các tộc người.

Trong hơn 10 năm làm việc với các cộng đồng thiểu số, iSEE đã chuyển từ phân tích và phản biện chính sách sang làm việc trực tiếp với các nhóm dân tộc thiểu số để chính cộng đồng cất lên tiếng nói của mình và giúp cho cộng đồng đa số có thêm kiến thức về nhân sinh quan, vũ trụ quan của các tộc người khác mình, từ đó thay đổi những thiên kiến.

Hành trình hơn một thập kỷ đi cùng các cộng đồng dân tộc thiểu số là hành trình NGỘ RA, TIN VÀO và ĐỒNG KIẾN TẠO một cách làm khác về phát triển.

NGHIÊN CỨU VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH

KẾT NỐI CỘNG ĐỒNG



- Nghiên cứu**
 - Tóm tắt các chương trình/chính sách liên quan tới dân tộc miền núi ở Việt Nam - giai đoạn 1998 đến nay
 - Định kiến tộc người: Vài nét khái quát và một số đề xuất cho các bước nghiên cứu tiếp theo
 - Đa dạng văn hóa và vai trò chủ thể của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong phát triển
 - Hiện trạng Bất Bình Đẳng Giới trong cộng đồng người dân tộc thiểu số

Vận động chính sách

- Tham vấn tại các diễn đàn, phân biện chính sách



- Nghiên cứu**
 - "THIẾU SỐ CẦN TIẾN KỊP ĐA SỐ": Định kiến trong quan hệ tộc người ở Việt Nam
 - Thông điệp truyền thông về dân tộc thiểu số trên báo in
 - Diễn ngôn, chính sách và sự biến đổi sinh kế - văn hóa tộc người
 - Đánh giá tiếp cận và sử dụng các dịch vụ pháp lý của phụ nữ dân tộc thiểu số
 - Học không được hay học để làm gì?

Vận động chính sách

- Tham gia diễn đàn Nhân dân châu Á
- Tập huấn về Tiếp cận nhân học và đa dạng văn hóa với Ủy ban Dân tộc
- Nghiên cứu và công bố nghiên cứu: Cây Ca cao ở Đăk Lăk và Lâm Đồng - những thách thức trong phát triển bền vững ở Việt Nam

Xây dựng cộng đồng

TẬP HUẤN THỦ LĨNH DÂN TỘC THIỂU SỐ

- Tham gia clip: Tôi là người Việt Nam
- Photovoice: Văn hóa của mình, ĐA DẠNG VĂN HÓA - Bài học từ những câu chuyện, Em yêu cao nguyên đá, Tổ kể bạn nghe
- Hỗ trợ hình thành nhóm Action for Hmong Development - AHD

Vận động xã hội

- Triển lãm Photovoice Văn hóa của mình tại Hà Nội, Lào Cai, thành phố Hồ Chí Minh
- Triển lãm Photovoice Đa dạng văn hóa, Em yêu cao nguyên đá, Tổ kể bạn nghe
- Viết bài trên dienngon.vn

TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN

CHƯƠNG TRÌNH DẪN TỘC THIỂU SỐ CỦA VIỆN ISEE

TIỀN PHONG

<p>2015</p> <p>25 thành viên 13 nhóm dân tộc</p> <p>5 tổ chức trong nước, quốc tế, cơ quan chính phủ hợp tác</p>	<p>2018</p> <p>100 thành viên 16 nhóm dân tộc</p> <p>10 tổ chức trong nước, quốc tế, cơ quan chính phủ hợp tác</p>	<p>2020</p> <p>200 thành viên 17 nhóm dân tộc</p> <p>20 tổ chức trong nước, quốc tế, cơ quan chính phủ hợp tác</p>
---	---	---

PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO XÃ HỘI



- Nghiên cứu**
 - Đi tìm chữ Mông (đồng nghiên cứu cùng nhóm Tiên Phong Lào Cai)
 - Thanh niên DTTS trong không gian mạng: Hiện thực và trải nghiệm của một số nhóm cộng đồng tại khu vực miền núi tỉnh Bắc Kạn (đồng nghiên cứu)
 - Kết hôn trẻ em ở một số cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam: Một phân tích từ góc nhìn Nhân học
 - Định vị cơ hội và thách thức: Nghiên cứu thanh niên DTTS di cư tại thành thị miền Bắc Việt Nam
 - Luật tục - luật đất đai (1 nghiên cứu của ISEE và 1 đồng nghiên cứu cùng Tiên Phong)

Vận động chính sách

- Tọa đàm: Liệu miền núi cần tiến kịp miền xuôi?
- Nghiên cứu và công bố nghiên cứu Tin dụng ở một số tộc người thiểu số ở Tây Nguyên và miền núi phía Bắc

Xây dựng cộng đồng

- HÌNH THÀNH MẠNG LƯỚI TIỀN PHONG VIỆT NAM (2015)**
- Hình thành nhóm Người trẻ dân tộc thiểu số (2016)
- Đồng sáng tác: lưu trú nghệ sĩ - người dân, đồng sáng tác: Cụng - Đụng - Chạm (2017), đồng sáng tác 2018, 2019, 2020
- Sáng kiến cộng đồng và sáng kiến ứng phó với Covid-19 (2019, 2020, 2021)
- Đa dạng văn hóa trong giáo dục mầm non (2021)

Vận động xã hội

- Sự kiện công công tại Hà Nội: Tôi tin Tôi có thể hàng năm (2015 - 2020)
- Bản hòa ca đa sắc tại các tỉnh: Lào Cai (2016), tại 10 tỉnh của nhóm Tiên Phong (2020)
- Triển lãm đồng sáng tác: Cụng - Đụng - Chạm (2017), Đi ngược miền sáng (2019), Dừng trái tim soi việc đúng (2020)
- Fanpage Mạng lưới Tiên Phong Việt Nam (từ 2017): kênh phát ngôn của mạng lưới

- Sự lựa chọn của thanh niên (đồng nghiên cứu cùng nhóm thanh niên tại Tân Lạc, Hòa Bình)
- Diễn ngôn về người DTTS (nghiên cứu của Tiên Phong)
- Tác động của COVID-19 tới đời sống của người dân tộc thiểu số di cư thành thị (đồng nghiên cứu cùng nhóm Đi Làm Xa)
- Tri thức bản địa qua tục ngữ, thành ngữ (nghiên cứu của Tiên Phong)

- Báo cáo Đánh giá độc lập chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016 - 2020
- Hội thảo Gói hỗ trợ 62 nghìn tỷ - Góc nhìn từ người hưởng lợi

- Hoạt động trực tuyến: Bản hòa ca đa sắc trực tuyến tại các nhóm Tiên Phong địa phương (2020), chuỗi tập huấn chia sẻ chính sách về An sinh xã hội (2021)
- Tiên Phong tour: Hành trình đi học hỏi về mô hình phát triển cộng đồng của các thành viên Tiên Phong tới từng nhóm địa phương (2021)
- Hình thành nhóm Đi Làm Xa (2020) và phát triển thành nhóm tìm hiểu về vấn đề An sinh xã hội (2021)

- Fanpage Đi làm xa (từ 2019): Kênh thông tin về chủ đề Dân tộc thiểu số di cư thành thị
- Phản biện truyền thông: Hình ảnh người dtts trên không gian mạng và Di sản thuộc về ai?
- Chuỗi tọa đàm Góc nhìn Tiên Phong: Bàn về tang văn minh, Dòng sông trong miền nhớ
- Gây quỹ cộng đồng: Sách Dòng chảy sắc màu - phát triển nghệ dệt thổ cẩm các dân tộc

TÔI TIN TÔI CÓ THỂ

- Ngày hội Tôi tin Tôi có thể
- Tôi tin Tôi có thể tại Lào Cai
- Cuộc gặp của những diễn ngôn
- Tôi tin Tôi có thể - Bản hòa ca đa sắc
- Tri thức bản địa - mạch sinh nguồn sống
- Dừng trái tim soi việc đúng

Phần 2

CÁC LÝ THUYẾT NỀN TẢNG

Câu chuyện bình đẳng văn hoá, kinh tế, và sự tham gia của cộng đồng

Nếu như can thiệp trong lĩnh vực phát triển hướng tới mục tiêu là xây dựng một đời sống bình đẳng hơn cho các cộng đồng yếu thế, thì khái niệm bình đẳng và công lý phải nằm ở cốt lõi của triết lý phát triển. Nỗ lực cục bộ trong việc thúc đẩy bình đẳng về kinh tế không làm thay đổi định kiến văn hoá về người dân tộc thiểu số. Thiếu suy tư trong can thiệp về kinh tế còn tiềm ẩn nguy cơ làm sâu sắc thêm các định kiến theo kiểu tiến hoá luận, tức là lối suy nghĩ cho rằng các cộng đồng thiểu số mặc nhiên ở nấc thang phát triển “thấp”, “lạc hậu”, hoặc “thiếu tiến bộ”. Quan điểm này không chỉ bị áp đặt từ trên xuống thông qua trường học, truyền thông, chính sách, mà còn bị chính các cộng đồng thiểu số nhập tâm – tức là các thành viên của cộng đồng có thể trở thành chủ thể của quá trình tự kỳ thị. Điều này khiến cho thành viên của cộng đồng các dân tộc thiểu số tự thấy mình “chậm tiến” hơn so với số đông, và vì thế, thiếu tự tin khi chia sẻ về các trải nghiệm và sáng kiến của mình. Những trở ngại từ cả bên trong

Khi chúng tôi bắt đầu làm việc trực tiếp với cộng đồng các dân tộc thiểu số, chúng tôi liên tục đối mặt với rất nhiều câu hỏi về mục tiêu và cách thức tổ chức hoạt động can thiệp. Như đã trình bày, ISEE không muốn tiếp tục mở rộng và nối dài cách tiếp cận cũ, tức là cách tiếp cận lấy việc thay đổi sinh kế làm trung tâm vì điều này vô hình chung làm sâu sắc thêm tính bị động của cộng đồng. Trong hành trình tìm kiếm cho mình một cách tiếp cận khác, các thành viên của dự án dần nhận ra rằng việc thay đổi không chỉ mang tính kỹ thuật, mà cần dựa trên những nền tảng lý thuyết về công lý, văn hoá, và quyền lực.

Trong quá trình này, ISEE nhận được sự hỗ trợ và tư vấn từ nhiều nhà nghiên cứu nhân học và văn hoá. Từ đó, chúng tôi dần dần đúc kết lại những nền tảng lý thuyết giúp dẫn lối cho các hoạt động can thiệp. Đồng thời, kinh nghiệm thực tế từ cộng đồng khiến chúng tôi liên tục có những suy tư và bài học mới, dần dần giúp hoàn thiện và củng cố niềm tin của chúng tôi vào triết lý phát triển mà các lý thuyết nền tảng cung cấp. Trong phần này, chúng tôi xin trình bày những ý niệm cơ bản giúp soi sáng cho các hoạt động của dự án.

và bên ngoài này mang tính văn hoá trước khi chúng mang tính kinh tế. Chừng nào chúng chưa được vượt qua, thì các thay đổi về sinh kế sẽ không đưa tính bình đẳng thực sự cho các nhóm yếu thế.

Nói theo ngôn ngữ của lý thuyết gia Nancy Fraser, thì công lý cần có ba khía cạnh song hành: 1) bình đẳng về mặt kinh tế, tức là sự công bằng trong việc tiếp cận cơ hội sinh kế; 2) bình đẳng về phẩm giá, tức là mọi căn tính văn hoá cần được tôn trọng như nhau; 3) sự tham gia của cộng đồng trong việc đấu tranh trên hai chiều cạnh kinh tế và văn hoá⁴.

Từ quan điểm trên của Fraser về công lý, chúng tôi chọn điểm can thiệp chiến thuật là khía cạnh văn hoá, song hành với đó là đẩy mạnh sự tham gia chủ động của cộng đồng. Lựa chọn này có tính chiến lược vì nó giúp cân bằng lại việc quá chú trọng tới kinh tế trong nhiều dự án can thiệp trước đây. Với lựa chọn này, chúng tôi không coi nhẹ các can thiệp sinh kế. Điều chúng tôi muốn thay đổi là việc can thiệp cục bộ về kinh tế mà thiếu đi sự hiểu biết về bối cảnh văn hoá của địa phương và sự tham gia chủ động của cộng đồng. Chúng tôi cũng muốn thay đổi cách can thiệp vốn coi người dân tộc thiểu số chỉ là những “đối tượng thụ hưởng” của các dự án được áp từ trên xuống. Trong nỗ lực vun đắp nền tính chủ động của cộng đồng, chúng tôi hướng tới việc tạo ra sự thay đổi bền vững từ bên trong và từ dưới lên.

Để xử lý được các mâu thuẫn liên quan tới văn hoá, chúng tôi viện tới ba sự hỗ trợ về mặt lý thuyết. Thứ

nhất, chúng tôi chọn cách tiếp cận nhân học để suy tư, tương tác và làm việc với cộng đồng các dân tộc thiểu số. Thứ hai, chúng tôi liên tục suy tư về quyền lực để bóc tách các tầng bậc khác nhau của định kiến văn hoá, bao gồm việc tự kỳ thị trong phạm vi cộng đồng. Thứ ba, chúng tôi đặc biệt chú trọng tới việc bồi đắp sự tham gia một cách tự chủ của các thành viên cộng đồng, qua đó, nuôi dưỡng khát vọng lên tiếng và tạo dựng một tương lai chung tốt đẹp hơn cùng với cộng đồng.

Bên cạnh các học thuyết giúp xác định cách tiếp cận và các chiến lược can thiệp trong chương trình Dân tộc thiểu số, iSEE cũng tìm hiểu các lý thuyết mang tính thực hành để vận dụng trong quá trình xây dựng năng lực cho chính mình và cộng đồng. Đó là các lý thuyết về sự học và tổ chức cộng đồng, giúp chúng tôi xác định được những nhiệm vụ cần làm trong vai trò người đồng hành với cộng đồng, để đảm bảo mỗi bên đều không ngừng tự nâng cao năng lực cho mình ở các cấp độ cá nhân, nhóm và tổ chức.

Dưới đây, chúng tôi xin được trình bày tóm tắt những nền tảng lý thuyết này.

2.1 | Tiếp cận Nhân học

Trong mảng chương trình Dân tộc thiểu số, các tri thức về tộc người được tư vấn từ các chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau (truyền thông, xã hội học, nhân học) và tiếp cận nhân học là lựa chọn gần nhất với hướng đi của tổ chức - hiểu về vấn đề của Việt Nam từ người Việt Nam, hay mở rộng hơn, là hiểu vấn đề của cộng đồng từ trong chính cộng đồng. Những lý thuyết của ngành Nhân học là một trong những nền tảng cơ bản của iSEE trong các hoạt động từ ngày đầu tiên thành lập Viện.

⁴ Nancy Fraser_Social Justice in the Age of Identity Politics: Redistribution, Recognition, and Participation (1996)

Tương đối văn hóa

Trong phát triển, học thuyết Tiến hóa luận đơn tuyến được áp dụng khá phổ biến, cho rằng xã hội loài người trải qua một con đường phát triển duy nhất với các nấc thang phát triển khác nhau. Nấc thang sau tiến bộ, văn minh hơn so với nấc thang trước. Sự đa dạng của các thực hành văn hóa ở các nền văn hóa, theo đó, không phải sự thích ứng của nền văn hóa đó với điều kiện tự nhiên, xã hội và chính trị của chúng mà là kết quả của sự phát triển không đồng đều. Với góc nhìn này: canh tác lúa nước được coi là tiến bộ hơn so với canh tác nương rẫy, lối sống định canh định cư được coi là văn minh hơn lối sống du canh du cư. Tại Việt Nam, theo tiến hóa luận đơn tuyến, người Kinh đứng trên vị trí cao nhất của tháp tiến hóa, những cộng đồng thiểu số đứng ở những mức khác thấp hơn.

Tuy là một lý thuyết khoa học, song Tiến hóa luận đơn tuyến có ảnh hưởng lớn về mặt chính trị và xã hội. Khái niệm cao - thấp, tiến bộ - lạc hậu, phi lý - duy lý trong việc nhìn nhận về sự đa dạng của các truyền thống văn hóa mà Tiến hóa luận đơn tuyến chủ trương đã được dùng như một cơ sở khoa học cho hoạt động chính trị, xã hội ở nhiều nơi trên thế giới.

Ảnh hưởng của Tiến hóa luận đơn tuyến dẫn đến các diễn ngôn về tính hiện đại và phát triển của nhà nước trong mấy thập kỷ qua thường coi người thiểu số đang trong trình độ thấp của phát triển và cần học hỏi mẫu hình tiến bộ hơn của người đa số. Để “miền núi tiến kịp miền xuôi, người thiểu số tiến kịp người đa số”, những tộc người ‘chưa tiến hóa’ cần phải thay đổi toàn bộ hoặc phần lớn các thực hành văn hóa xã hội truyền thống của họ cho các thực hành được cho là văn minh hơn, gần với người Kinh và việc chuyển đổi các dân tộc lạc hậu hơn cho giống hoặc bằng với thang bậc tiến hóa tự nhiên của dân tộc phát triển cao hơn là quyền và nghĩa vụ của nhóm có trình độ phát triển cao hơn. Diễn ngôn mang tính tiến hóa luận và triết lý phát triển này cùng với các phạm trù văn hóa – xã hội mới đi kèm theo nó (được chuyển tải phổ biến trong công trình nghiên cứu dân tộc học, các văn bản chính sách, các bài viết trên báo chí), như ‘lạc hậu’, ‘không văn minh’, ‘kém phát triển’, ‘mất vệ sinh’, ‘lãng phí’, ‘không biết tính toán’, ‘nhận thức thấp’, ‘mê tín dị đoan, v.v..., đã chi phối rất lớn cách thức của cả người dân lẫn cán bộ nhà nước là người Kinh trong việc nhìn nhận và đánh giá tiêu cực về các thực hành đa dạng về kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như tôn giáo tín - ngưỡng của các tộc người thiểu số.

iSEE nhận thức về việc sử dụng Tiến hóa luận đơn tuyến có nhiều khả năng dẫn đến định kiến và kỳ thị tộc người, nguy hiểm hơn, nó cho phép người sử dụng hợp thức hóa những định kiến mà họ mang. Chúng tôi chọn Tương đối văn hóa làm học thuyết nền tảng để xây dựng tri thức về tộc người.

Tương đối văn hóa (cultural relativism) là học thuyết nền tảng của nhân học hiện đại. Quan điểm của tương đối văn hóa là các nền văn hóa được xem xét theo chiều ngang, bình đẳng. Tương đối văn hóa nhấn mạnh giá trị của sự đa dạng, độc đáo của mỗi nền văn hóa, không có sự phân biệt cao thấp, và không lấy bất kỳ một nền văn hóa nào làm chuẩn mực của sự “tiến bộ” và phát triển như Tiến hóa luận.

⁵ http://www.unesco.org/new/fileadmin/MULTIMEDIA/HQ/CLT/pdf/5_Cultural_Diversity_EN.pdf

Lựa chọn Tương đối văn hóa là nền tảng cho các nghiên cứu của tổ chức, chúng tôi nhấn mạnh tính đa dạng của văn hóa. Theo Tuyên ngôn Toàn cầu về Đa dạng văn hóa (2001)⁶: Đa dạng văn hóa là khởi nguồn cho mọi giao lưu, đổi mới và sáng tạo, đa dạng văn hóa cũng cần cho nhân loại như đa dạng sinh học cho thiên nhiên. Vì thế đa dạng văn hóa chính là di sản chung của nhân loại và cần được công nhận và khẳng định vì lợi ích của các thế hệ hôm nay và mai sau”. Công ước 2005 về Bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa⁶ cũng nhấn mạnh: “đa dạng văn hóa tạo nên một thế giới giàu có và đa dạng, một thế giới làm tăng sự lựa chọn và nuôi dưỡng khả năng và giá trị của con người, và do đó là nguồn sống của sự phát triển bền vững cho các cộng đồng, con người và dân tộc.”

Bên cạnh các khía cạnh về quyền con người khác, Quyền Văn hóa được xem là một quyền cơ bản, có ý nghĩa đối với cá nhân và cộng đồng. Tuyên bố Fribourg về Quyền Văn hóa⁷ với 12 điều khoản đã xác định quyền của các cộng đồng văn hóa – “một nhóm người cùng chia sẻ những dấu hiệu tạo nên một bản sắc chung mà họ có ý định gìn giữ và phát triển”. Trong Quyền Văn hóa, thuật ngữ “văn hóa” cũng được hiểu “bao gồm các giá trị, tín ngưỡng, quan điểm, ngôn ngữ, kiến thức và nghệ thuật, truyền thống, thể chế và cách sống mà qua đó một cá nhân hoặc một nhóm người thể hiện tính nhân văn và ý nghĩa của cuộc sống và sự phát triển của họ”.

Tuy nhiên, đa dạng văn hóa cũng có thể dùng như một diễn ngôn về văn hóa với mục đích quản trị và thao túng nền văn hóa khác. Theo cách sử dụng này, văn hóa của các tộc người được thừa nhận sự đa dạng, nhưng không chấp nhận tồn tại khác biệt; văn hóa tộc người cần thay đổi để hướng tới những chuẩn mực văn minh hơn. Cách sử dụng “đa dạng văn hóa” này không nằm trong thuyết Tương đối văn hóa nhưng vẫn được sử dụng thường xuyên và duy trì định kiến trong xã hội theo một cách phức tạp: thừa nhận nhưng vẫn phân đối thông qua định hướng về văn minh, tiến bộ.

Cảnh giác trước bấy “đa dạng văn hóa” này, iSEE dùng thuyết Tương đối văn hóa như một yếu tố trong quá trình tìm về tri thức - với mục đích cuối cùng - để hiểu về văn hóa tộc người và loại bỏ định kiến. Để ứng dụng vào các hoạt động của tổ chức, iSEE sử dụng ba trụ cột của Nhân học để thiết kế các dự án và làm việc với cộng đồng.

⁶ http://www.unesco.org/new/fileadmin/MULTIMEDIA/FIELD/Hanoi/pdf/Convention_2005.pdf

⁷ <http://hrlibrary.umn.edu/instree/Fribourg%20Declaration.pdf>

Tiếp cận vấn đề thông qua 3 trụ cột của nhân học

Thông qua tư vấn của những nhà Nhân học tại Việt Nam, ISEE lựa chọn 3 trong rất nhiều các trụ cột của nhân học làm nền tảng cho phương pháp tiếp cận của tổ chức, đó là: tiếp cận chỉnh thể (holistic approach), đề cao tính chủ thể (agency/ active agent) và lắng nghe góc nhìn của người trong cuộc (emic views).

TIẾP CẬN CHỈNH THỂ

Do văn hoá mang tính chỉnh thể nên chỉ có thể có được một hiểu biết đầy đủ và sâu sắc nội dung, ý nghĩa và chức năng của một thực hành văn hoá nào đó trong bối cảnh rộng nhất có thể của chúng. Chính vì vậy, khi nghiên cứu một thành tố văn hoá, không thể không quan tâm đến các yếu tố tự nhiên, chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội của cộng đồng nơi thực hành văn hoá đó được sinh ra và tồn tại. Thêm vào đó, cách tiếp cận chỉnh thể cũng đòi hỏi phải đặt các thành tố văn hoá được tìm hiểu, nghiên cứu trong mối liên hệ với các thành tố khác trong chính nền văn hoá đó.

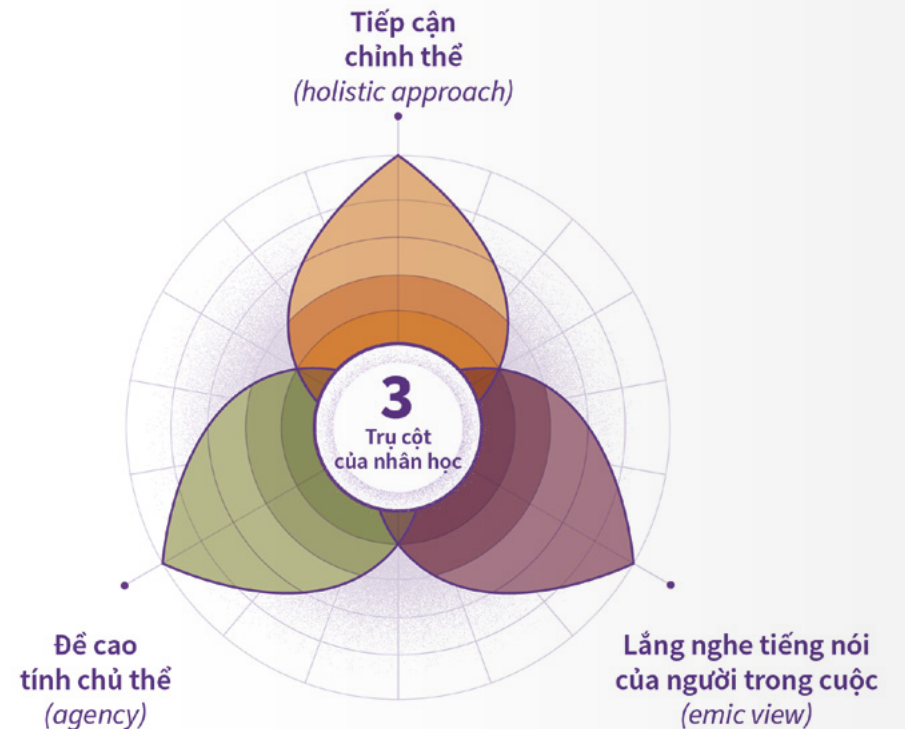
ĐỀ CAO TÍNH CHỦ THỂ

Cộng đồng là những chủ thể của văn hóa. Cộng đồng sở hữu các tri thức về văn hóa, có hiểu biết để nhận ra những thay đổi trong các yếu tố cấu thành nên văn hóa có thể tác động như nào tới đời sống. Cộng đồng có khả năng quyết định những thay đổi của các thực hành văn hóa khi nó không còn phù hợp với đời sống hiện tại.

LẮNG NGHE GÓC NHÌN CỦA NGƯỜI TRONG CUỘC

Góc nhìn/ quan điểm người trong cuộc là ‘cách nhìn từ bên trong’ hay những suy nghĩ, diễn giải về ý nghĩa của một thực hành văn hoá từ chính chủ nhân của các thực hành văn hoá đó. Những suy nghĩ, diễn giải này thường rất khác, thậm chí ở nhiều trường hợp là đối lập, so với cách nhìn, cách nghĩ và sự diễn giải của người ngoài cuộc (etic view).

Quan điểm người trong cuộc thường được định hình bởi hệ giá trị, phong tục tập quán, niềm tin, vũ trụ quan, v.v... của chính nền văn hoá mà họ đang sống. Vì vậy, để hiểu đúng, đủ và sâu về giá trị một thực hành văn hoá của một tộc người, tìm hiểu cách thức người trong cuộc diễn giải về ý nghĩa và chức năng của các thực hành văn hoá của họ là rất quan trọng.



SƠ ĐỒ

3 TRỤ CỘT CỦA NHÂN HỌC

2.2

Lý thuyết Quyền lực và Diễn ngôn

Như đã trình bày ở trên, văn hoá là không gian của cộng đồng và cũng là không gian của quyền lực. Thông qua văn hoá, con người cảm thấy mình thuộc về một nơi chốn và một lịch sử cụ thể, và từ đó, cảm thấy cuộc sống của mình có quá khứ, tương lai, và một chốn đi về. Nhưng cũng thông qua văn hoá mà nhiều cơ chế áp bức trở thành điều “bình thường”, ví dụ như tư duy của số đông về sự “lạc hậu” của người dân tộc thiểu số. Việc tiếp cận văn hoá từ góc nhìn nhân học đưa lại góc nhìn của người trong cuộc, nhưng những cách tiếp cận này không thể tách rời việc phê phán các cơ chế quyền lực khiến cho văn hoá trở thành địa bàn của áp bức. Đây là lý do chúng tôi dành rất nhiều thời gian để cùng nhau thảo luận về khái niệm quyền lực. Bên cạnh việc bóc tách các sắc thái của quyền lực, chúng tôi cũng đi sâu vào khái niệm diễn ngôn để hiểu hơn về cách thức vận hành của quyền lực trong lĩnh vực văn hoá.

Quyền lực (power) là một thành tố quan trọng trong các mối quan hệ xã hội, từ mối quan hệ giữa các thể chế nhà nước, giữa nhà nước và người dân cho tới mối quan hệ giữa cá nhân với nhau. Có rất nhiều lý thuyết quyền lực được ra đời, phụ thuộc vào các ngành nghiên cứu khác nhau như xã hội học, lịch sử, chính trị, quan hệ quốc tế. Theo Max Weber - nhà xã hội học người Đức, quyền lực là “khả năng mà một cá nhân trong mối quan hệ xã hội có thể đạt được ý chí mà họ mong muốn bất chấp sự cản trở của các nhân tố khác”⁸. Như vậy, quyền lực gắn liền với ý chí của mỗi chủ thể và sự tương tác giữa các chủ thể trong xã hội. Hiểu sự vận hành của cán cân quyền lực là một trong những bước quan trọng giúp ta nhận diện sự ảnh hưởng của nó đến các vấn đề trong xã hội như đói nghèo, phân biệt đối xử, bất bình đẳng và công bằng xã hội, từ đó để ra những phương thức hợp lý cho việc thay đổi xã hội.

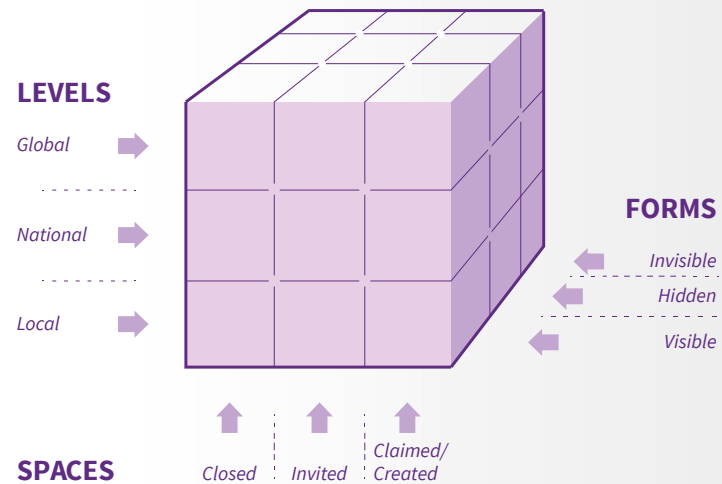
Khái niệm về quyền lực (power) hay những mối quan hệ quyền lực (power relations) thường được hiểu theo hướng một số nhóm có quyền lực áp đặt sự kiểm soát và ý chí lên các nhóm yếu thế hơn. Bởi vậy khi nói đến “tạo quyền năng” hay “thay đổi quan hệ quyền lực”, người ta thường nghĩ ngay đến quan hệ “được” và “mất”, hay xung đột, đối đầu giữa nhóm có quyền và nhóm yếu thế.

Trong chiến lược can thiệp của mình, iSEE tiếp cận và sử dụng lý thuyết quyền lực như một nền tảng để thiết kế các hoạt động xây dựng cộng đồng. Khối Rubic Quyền lực (Power Cube)⁹ - một cách tiếp cận được phát triển bởi nhóm Power, Participation and Social Change (PPSC) tại Institute Development Studies (IDS) là mô hình phân tích quyền lực theo các chiều cạnh: không gian (spaces), dạng thức (forms), mức độ (levels) và cách chúng tương tác lẫn nhau. Mô hình này giúp nhìn nhận rõ hơn vị trí và mối quan hệ của các nhóm cộng đồng với nhau và với yếu tố bên ngoài. Thông qua đó nhìn ra khả năng tạo ra sự vận động và thay đổi giữa các chủ thể.

⁸ Weber, Max 1925 *Wirtschaft und Gesellschaft; Grundriss der Sozialökonomik, Abteilung III*. Verlag von J. C. B. Mohr (Paul Siebeck): Tübingen

⁹ <https://www.powercube.net/>

THE LEVEL SPACES AND FORM OF POWER | **THE POWER CUBE**



Cụ thể, iSEE vận dụng 3 khía cạnh của quyền lực được phân tích trong lý thuyết này:

a. Các sắc thái quyền lực (expressions of power): Khi nhìn nhận quyền lực dưới góc độ cách thể hiện, người ta nói tới 3 sắc thái:

- *Sức mạnh tự cường (power to)* thể hiện qua việc người ta không bị khuất phục bởi khó khăn, thể hiện qua các quyết định để vượt qua khó khăn.

- *Sức mạnh tập thể (power with)* thể hiện qua việc người ta đoàn kết lại để cùng làm một việc gì đó. Sức mạnh tập thể là cùng hành động thường được xây dựng thông qua việc thành lập các nhóm sở thích để rồi cùng làm một việc gì đó. Tuy nhiên sức mạnh tập thể/cùng hành động không phải là “tổ nhóm”, không phải cứ có tổ nhóm là có sức mạnh tập thể.

- *Sức mạnh nội tại (power within)* thể hiện qua việc người ta tự tin ở bản thân mình, tự hào về mình và biết quyền của mình. Sức mạnh nội tại là nền tảng để phát huy sức mạnh tập thể và sức mạnh tự cường.

Khi một cá nhân/cộng đồng có được cả ba sắc thái quyền lực trên thì cá nhân/cộng đồng đó có năng lực lựa chọn và ra quyết định (*agency*) – tiền đề không thể thiếu được của quá trình nâng cao vị thế và tiếng nói. Bởi vậy, củng cố và nâng cao sức mạnh nội tại, tự cường và tập thể của các nhóm yếu thế là một trong những chiến lược chính của iSEE khi làm việc với các nhóm thiểu số.

b. Các dạng thức của quyền lực (forms of power): Quyền lực cũng được thể hiện ở nhiều hình thức khác nhau, cụ thể là ai/cái gì có tầm ảnh hưởng như thế nào. Việc nhận diện được các hình thức quyền lực này quyết định sự thành công và hiệu quả của các chiến lược vận động hành lang, vận động chính sách, thay đổi niềm tin. Có 3 dạng thức quyền lực:

- *Quyền lực hữu hình (visible power):* được xác định bằng các vị trí/chức danh và có ảnh hưởng trực tiếp đến các quyết định. Ví dụ một người trong một cộng đồng, một nhóm, một tổ chức hay một xã hội có một chức danh nào đó thì bản thân chức danh đó mang

lại cho người ấy một quyền lực ví dụ nhóm trưởng, trưởng phòng, giám đốc dự án, già làng. Hay trong một lớp học thì chức danh “giáo viên” cũng mang lại cho người đứng trên bục giảng một quyền lực với học sinh. Trong một gia đình, chức danh trưởng họ cũng mang cho người đó một quyền lực với những thành viên trong dòng họ.

- *Quyền lực ẩn (hidden power):* được xác định bởi những can thiệp vào cơ chế ra quyết định và chương trình nghị sự. Quyền lực ẩn được sử dụng để loại ra hoặc đưa ai/cái gì đó vào cuộc chơi, tạo ra những khu vực “quyền lực đóng” hoặc mở rộng những khu vực “quyền lực đại diện”. Ví dụ chương trình làm luật hàng năm của quốc hội quyết định đưa luật nào vào xem xét và đưa luật nào ra khỏi danh sách xem xét là một dạng quyền lực ẩn.

- *Quyền lực vô hình (invisible power):* thể hiện qua những niềm tin, những chuẩn mực quy định hành vi và cách thức ứng xử trong xã hội. Niềm tin tự động điều chỉnh hành vi của một cá nhân hoặc một cộng đồng. Ví dụ A tin rằng mình kém hơn B thì tự động A sẽ nghe theo những gì B nói, tin vào những gì B quyết định. Một ví dụ khác, nếu cộng đồng X tin rằng mình lạc hậu hơn cộng đồng Y thì những người trong cộng đồng X sẽ có xu hướng lấy cộng đồng Y làm chuẩn và “phấn đấu” để giống như Y và cộng đồng Y nếu tin rằng mình văn minh hơn thì cũng sẽ có hành động áp đặt suy nghĩ, cách sống, cách làm của mình cho cộng đồng X.

c. Các không gian thực hành quyền lực (spaces of power): Đây là một chiều cạnh rất quan trọng để hiểu về quyền lực. Không gian quyền lực không phải là những không gian vật lý mà là những cơ hội, khoảnh khắc và kênh nơi người dân có thể hành động để tạo ra thay đổi về mặt chính sách, diễn ngôn, các quyết định và các mối quan hệ mà ảnh hưởng đến cuộc sống và lợi ích của họ.

Các không gian quyền lực này không được hình thành một cách tự nhiên mà nó là sản phẩm của mối quan hệ quyền lực. Chúng có thể hiểu là các ranh giới

hay giới hạn cho phép ai tham gia hoặc không tham gia thảo luận/quyết định những vấn đề gì v.v. Có 3 không gian thực hành quyền lực chính:

- *Không gian đóng (closed space):* là không gian mà trong đó quá trình ra quyết định được thực hiện bởi một nhóm người có quyền lực chính trị, người dân không được tham gia.

- *Không gian “dân chủ đại diện” (invited space):* là không gian cho phép một số chuyên gia và đại diện người dân tham gia đóng góp ý kiến, ví dụ một số người dân được mời tham gia đóng góp ý kiến để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, các cuộc tham vấn lấy ý kiến người dân và chuyên gia về một chính sách nào đó sắp ban hành v.v

- *Không gian tự tạo (open space):* là không gian do chính những người dân tạo ra để thảo luận hay giải quyết những vấn đề mà họ quan tâm. Đây là những không gian được hình thành một cách rất tự nhiên dựa mối tương đồng về mối quan tâm. Trong các dự án phát triển thì không gian tự tạo là không gian mà các nhóm đang trải nghiệm bất công cùng nhau mở ra để tạo nên tiếng nói và thực hành việc lên tiếng nhằm thay đổi những bất công mà họ đang phải chịu.

Khi nhìn nhận quyền lực dưới lăng kính “không gian thực hành quyền lực”, người ta thấy một điều là những năng lực có được khi tham gia ở một không gian này sẽ ảnh hưởng tới cách tham gia ở không gian khác. Ví dụ, nếu không được thực hành cách ra quyết định trong không gian tự tạo thì khi được mời tham gia vào không gian “dân chủ đại diện” như đóng góp ý kiến cho việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, người dân sẽ chỉ thụ động ngồi nghe. Tuy nhiên, khi họ thực hành việc ra quyết định trong các không gian tự tạo như khi tự làm nghiên cứu tác động của các chính sách giảm nghèo, tự tìm hiểu về diễn ngôn v.v. thì khả năng ra quyết định/khả năng thuyết phục tăng lên và năng lực này sẽ giúp họ tham gia ra quyết định tốt hơn, thuyết phục tốt hơn ở không gian dân chủ đại diện khi được mời đóng góp ý kiến.



Ảnh: tọa đàm Cuộc gặp của những diễn ngôn

Diễn ngôn

Diễn ngôn (*discourse*) là một thuật ngữ được sử dụng ban đầu trong lĩnh vực ngôn ngữ học, và sau này, với các tác phẩm nổi tiếng của Michel Foucault (chẳng hạn *The Order of Things: An Archaeology of the Human Sciences*, xuất bản tiếng Pháp năm 1966), nội hàm của thuật ngữ đã được mở rộng để hiểu về chủ thể, tri thức và quyền lực trong xã hội hiện đại. Những hiện tượng của thế giới khách quan vẫn tồn tại nhưng chúng chỉ có được ý nghĩa thông qua diễn ngôn. Diễn ngôn được coi là **một phương thức đặc biệt để nói về và cắt nghĩa về thế giới**. Diễn ngôn là không gian của ý nghĩa, đồng thời cũng là phương thức tạo nghĩa giúp con người hiểu về bản thân và thế giới. Nói cách khác, diễn ngôn là một mạng lưới cụ thể của ngôn ngữ, hành động, luật pháp, niềm tin và cách thức tổ chức đời sống dựa trên một cách hiểu nào đó về cuộc sống. Khác với quan niệm cho rằng ngôn ngữ chỉ như phương tiện phản ánh lại một “hiện thực khách quan”, diễn ngôn nhấn mạnh tới các điều kiện lịch sử, văn hoá, chính trị cụ thể tạo nên cách thức con người mừng tượng ra thế giới và từ đó kiến tạo ra hiện thực của chính mình.

Ví dụ, hạn hán được hiểu là hiện tượng khí hậu khi một khu vực trải qua tình trạng thiếu nước trong một thời gian kéo dài nhiều tháng hay nhiều năm nhưng ngay khi con người bắt đầu cắt nghĩa hiện tượng này thì nó không còn là câu chuyện của một hiện tượng tự nhiên tồn tại “khách quan” nữa mà nó đã trở thành một phần của diễn ngôn. Một vài người sẽ lý giải đó là một hiện tượng thiên nhiên bất thường – diễn ngôn khí tượng học. Một số người khác lại lý giải hạn hán như hậu quả của việc canh tác thiếu hợp lý, dẫn tới việc cạn kiệt nguồn nước – tức là diễn ngôn nông nghiệp - kinh tế. Một số người khác nữa lại cho rằng đó là sự thiếu hợp lý trong quy hoạch vĩ mô về nguồn nước – diễn ngôn về chính trị. Lại có những người coi đó là điểm báo hoặc sự trừng phạt của một đấng thiêng liêng nào đó – diễn ngôn tôn giáo. Mỗi cách hiểu nêu trên không chỉ đưa tới những hình dung khác nhau, thậm chí đối lập nhau về thế giới, mà còn là nền tảng để tạo ra những can thiệp khác nhau để thay đổi hiện thực. Để thay đổi hiện tượng hạn hán, người ta có thể làm mưa nhân tạo (diễn ngôn khí tượng), thay đổi giống cây trồng (diễn ngôn nông nghiệp - kinh tế), điều chỉnh chính sách vĩ mô (diễn ngôn chính trị) hoặc thực hành các nghi lễ thờ cúng phù hợp với truyền thống tín ngưỡng ở địa phương (diễn ngôn tôn giáo). Do đó, diễn ngôn không chỉ tạo ra ý nghĩa mà còn định hướng cho hành động. Trang dienngon.vn của Viện iSEE có viết: “*Được bắt rễ từ trong ngôn ngữ, diễn ngôn tạo ra niềm tin, niềm tin biến thành tri thức, và tri thức tạo nên quyền lực*”.

Các diễn ngôn có thể tồn tại song song với nhau, nhưng cũng có thể cạnh tranh và loại trừ lẫn nhau (trong ví dụ nêu trên, diễn ngôn khí tượng mang tính khoa học khó có thể dung hòa với diễn ngôn về tôn giáo). Điều này làm lộ ra khía cạnh **quyền lực của diễn ngôn**. Có những diễn ngôn mang tính thống soát, chứa đựng những ý nghĩa được mặc nhiên là “bình thường” hoặc “đúng”. Trái lại, có những diễn ngôn nằm bên lề của đời sống, bị xem là “không bình thường” hoặc “sai”. Vào từng giai đoạn lịch sử, một số diễn ngôn có xu hướng đạt được vị trí trung tâm, được coi là “đúng” trong cách con người cắt nghĩa thế giới. Song song với quá trình đó, một số diễn ngôn có xu hướng bị lệ hoá, bị coi là “sai” và đôi khi hoàn toàn biến mất. Nói cách khác, quá trình thương thoả về mặt quyền lực giữa các diễn ngôn cũng là quá trình một số nhóm người có thể dễ dàng tạo ra ý nghĩa theo cách họ muốn và áp đặt nghĩa đó cho các nhóm khác. Vì là quá trình thương thoả nên diễn ngôn có sự ổn định tương đối, nhưng cũng luôn biến động do những va đập đa dạng giữa các không gian ý nghĩa khác nhau. Bởi vậy, sẽ không có tri thức nào là chân lý tuyệt đối và hoàn toàn khách quan.

Đặt câu hỏi về ai là người có thẩm quyền tạo ra diễn ngôn, tạo cơ hội cho những diễn ngôn bị lệ hoá được xuất hiện và đối thoại với những diễn ngôn thống soát, v.v. là những cách góp phần thay đổi cán cân quyền lực giữa các nhóm trong xã hội. iSEE vận dụng lý thuyết về Quyền lực và Diễn ngôn để cùng cộng đồng thiết kế các can thiệp tạo ra thay đổi xã hội.

2.3

Khát vọng như một năng lực văn hoá

Nếu như cách tiếp cận nhân học cho phép chúng tôi đến gần hơn với đời sống của người dân tộc thiểu số, còn khái niệm diễn ngôn giúp chúng tôi nhìn ra cách thức vận hành của quyền lực thông qua ngôn ngữ, thì mục tiêu sau cùng của chúng tôi chính là vận dụng những nền tảng tri thức mang tính văn hoá này vào việc thúc đẩy sự tham gia một cách tự chủ và sáng tạo của người dân tộc thiểu số vào quá trình thay đổi định kiến. Việc ISEE chọn tên gọi Tự hào – Tự tin – Tự chủ cho chương trình Dân tộc thiểu số phản ánh mục tiêu này. Càng làm việc nhiều với bà con, chúng tôi càng củng cố niềm tin rằng sự thay đổi bền vững phải đến từ nguồn lực nội tại của cộng đồng. Nguồn lực này luôn dồi dào vì nó nằm sâu trong tri thức văn hoá và kinh nghiệm sinh sống tại địa phương của người dân tộc thiểu số, nhưng cần được bồi đắp và tổ chức một cách bền bỉ và chủ động. Với mục tiêu này, các hoạt động của chúng tôi có thể được nhìn nhận như một nỗ lực tập thể trong việc tưởng tượng, suy tư, và tạo dựng ra một tương lai khác, nơi trí tuệ, tiếng nói và sáng kiến của người dân tộc thiểu số được lắng nghe và trở thành cảm hứng cho suy tư về bình đẳng và phát triển. Tương lai mà chúng tôi cùng nhau bồi đắp là nơi mà người dân tộc thiểu số không còn bị ám ảnh bởi một đích đến vô nghĩa mang tên “tiến kịp miền xuôi”. Thay vào đó, người dân tộc thiểu số có thể cất giọng để kể ra câu chuyện của cộng đồng mình và cùng nhau bảo vệ tương lai của cộng đồng trong sự bình đẳng, tôn trọng, và đối thoại.

Khi suy tư về mối quan hệ giữa các nhóm yếu thế với tương lai của họ, chúng tôi tìm được sự trợ giúp về mặt lý thuyết từ khái niệm khát vọng (aspiration) của nhà nhân học Arjun Appadurai¹⁰. Sau nhiều năm làm việc với người nghèo tại Ấn Độ, Appadurai nhận ra vai trò then chốt nhưng hay bị bỏ quên của văn hoá trong các dự án phát triển, nhưng ông cũng nhận ra rằng trở ngại lớn nhất đối với việc kết nối văn hoá và phát triển chính là sự thiếu vắng của các ý niệm về “tương lai”. Ông chỉ ra rằng, khi bàn tới văn hoá, người ta lập tức suy tưởng về quá khứ: di sản, truyền thống, ký ức, tập quán v.v.. Bất chấp việc văn hoá chính là nguồn lực then chốt cho sức mạnh cộng đồng, sự kết nối quá phổ biến giữa văn hoá với quá khứ khiến cho khái niệm văn hoá khó dung hoà với các dự án “phát triển”, vốn luôn hướng tới việc vượt thoát khỏi các ràng buộc tiêu cực từ quá khứ. Arjun Appadurai đề xuất đưa “tương lai” vào cách chúng ta suy tư về văn hoá, và qua đó, đưa văn hoá trở thành điểm can thiệp mang tính chiến lược trong các dự án phát triển.

Để kết nối văn hoá với tương lai, Arjun Appadurai phát triển một nội hàm mới cho khái niệm khát vọng. Thay vì nhìn nhận khát vọng như một cảm giác mang tính tâm lý học và vì thế chỉ có tính chủ quan, Appadurai coi khát vọng là một *năng lực văn hoá*, tương tự như các năng lực khác, ví dụ như năng lực cảm thụ ngôn ngữ, năng lực kết bạn, đọc bản đồ, hay phân biện chính sách. Ông định nghĩa: “Năng lực khát vọng là một *năng lực điều hướng*” (navigational capacity)¹¹. Sự điều hướng ở đây chính là khả năng

hình dung, xác lập, điều chỉnh, và hiện thực hoá một lộ trình nào đó giúp con người đi được từ một “hiện tại” cụ thể tới một “tương lai” nào đó. Nói theo cách của người Việt Nam, cái Appadurai gọi là “khát vọng” không dừng lại ở việc mưu cầu tiền tài, danh vọng, hạnh phúc cho bản thân hay cộng đồng, mà là năng lực thiết lập và duy trì một “tầm nhìn” vươn vào tương lai, kèm theo đó là khả năng hiện thực hóa “tầm nhìn” đó.

Tương tự như rất nhiều năng lực văn hoá khác, năng lực khát vọng chịu ảnh hưởng của cấu trúc xã hội. Appadurai diễn giải điều này như sau: “Ở xã hội nào cũng vậy, người có đặc quyền biết sử dụng bản đồ của các quy chuẩn [maps of norm] để khám phá tương lai một cách thường xuyên hơn và với tính thực tế cao hơn. Họ cũng chia sẻ tri thức này với nhau một cách đều đặn hơn những người hàng xóm nghèo và yếu thế của mình. Chính bởi người nghèo không có cơ hội thực hành việc sử dụng năng lực điều hướng này [...] nên chân trời khát vọng của họ cũng mong manh hơn”¹². Như vậy, năng lực khát vọng được phân phối không đồng đều giữa các nhóm xã hội. Dẫu rằng ai cũng có thể khao khát một tương lai tốt đẹp hơn nhưng nhóm có nhiều đặc quyền sẽ dễ dàng tìm ra phương tiện, cách biện minh, và sự hỗ trợ mang tính hệ thống cho lộ trình của mình, còn những nhóm yếu thế thường chỉ dừng lại ở những tính toán ngắn hạn, hoặc viễn vông. Giả như người yếu thế có nỗ lực hình dung ra một con đường nào đó để tiến tới một tương lai tốt đẹp hơn, thì con đường đó, mượn lời Appadurai, “thường cứng nhắc hơn, ít linh động hơn, ít giá trị chiến lược hơn”¹³.

¹⁰ Quan điểm của Appadurai về mối quan hệ giữa văn hoá, tương lai và năng lực khát vọng được trình bày trong tiểu luận nổi tiếng “The Capacity to Aspire: Culture and the Terms of Recognition” trong cuốn Culture and Public Action, Stanford University Press, 2004. ^{11,12,13} Sđd, trang 69

Bồi đắp năng lực khát vọng cho nhóm yếu thế, vì vậy, không thể chỉ là việc “truyền cảm hứng” trên tinh thần lạc quan bất chấp. Quá trình bồi đắp này tự nó không có đáp án sẵn, mà luôn biến động theo từng đối tượng, bối cảnh, và cấu trúc quyền lực cụ thể. Trong suốt hơn một thập kỷ cùng làm việc với bà con, chúng tôi đã từng bước lần mò để bồi đắp khát vọng xây đắp một không gian bình đẳng và thấu hiểu cùng với bà con. Chúng tôi có nhiều thảo luận về tương lai của dự án nói riêng và của việc đấu tranh chống định kiến về dân tộc thiểu số nói chung. Chúng tôi cũng đã trải qua rất nhiều thử nghiệm, từ việc cùng nhau bóc tách các tầng nấc khác nhau của kỳ thị văn hoá, tới việc thu thập và duy trì nguồn tri thức bản địa. Chúng tôi cùng nhau tìm kiếm đồng minh và tổ chức nhiều hoạt động văn hoá để tăng cường sự hiện diện của người dân tộc thiểu số trong diễn ngôn chung. Trong suốt quá trình này, chúng tôi đã tạo dựng và mở rộng cộng đồng của mình một cách kiên trì với tinh thần tự phê phán và sẵn sàng thay đổi. Thay vì chỉ hướng tới số lượng, chúng tôi hướng tới việc cùng nhau thiết lập và bồi đắp chất lượng của khát vọng chung trên tinh thần dân chủ. Cứ như thế, giữa trăm nghìn công việc phải cân đối, giữa sự bẽ bộn trong cuộc sống riêng của bà con và sự lớn mạnh của cộng đồng, giữa những khó khăn đến từ cơ chế và những hy vọng đến từ nguồn mạch của văn hoá bản địa, chúng tôi dần trở thành bạn đồng hành của nhau, cùng nhau bồi đắp niềm tin vào một tương lai rộng mở cho cộng đồng các dân tộc thiểu số tại Việt Nam.

2.4 Lý thuyết về Xây dựng năng lực

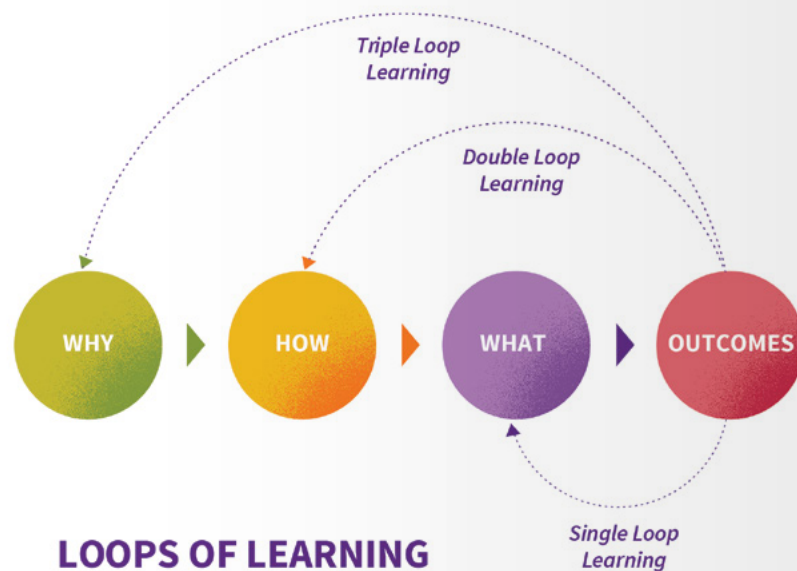
Tạo ra không gian để thúc đẩy việc học là một trong những ưu tiên hàng đầu của chúng tôi khi thực hiện các hoạt động can thiệp. Quá trình học không chỉ dành cho các thành viên cộng đồng, mà còn cho chính cán bộ của iSEE và các đối tác cùng làm việc với cộng đồng.

Sự học và Chu trình học qua trải nghiệm

Theo quan điểm của chúng tôi, sự học không chỉ diễn ra trong các lớp học, nó là một quá trình liên tục không ngừng thu nạp thêm những hiểu biết, kiến thức, hành vi, kĩ năng, giá trị, thái độ và mối quan tâm mới của con người. Quá trình học có 3 đặc tính quan trọng, bao gồm:

- Sự chủ động: người học xây dựng tri thức cho bản thân bằng cách khám phá thế giới xung quanh mình, quan sát và tương tác với các sự vật hiện tượng, trao đổi và gắn kết lẫn nhau, và liên kết những ý tưởng mới với hiểu biết đã có.
- Xây dựng trên nền tảng hiểu biết đã có, đồng thời làm giàu thêm, phát triển tiếp và thay đổi những tư duy nhận thức đã tồn tại.
- Yêu cầu người học phải có động lực và sự cam kết.

Ngoài sự chủ động của người học, sự học cũng diễn ra ở các cấp độ khác nhau, và do đó cũng đòi hỏi các mức độ tư duy, nỗ lực khác nhau. Theo Argyris và Schon (1974), có **ba cấp độ học** (*Loops of learning*):



• Cấp độ 1

(single-loop learning)

Ở cấp độ 1, người học trả lời câu hỏi “Chúng ta đang làm điều này một cách đúng chưa? (*Are we doing things right?*)”. Trong giai đoạn này, người học chủ yếu chú trọng tới hành động của mình, xem xét và đánh giá chúng đã đúng với quy chuẩn và kiến thức mẫu chưa. Họ chưa thách thức lại tri thức được học, chưa đào sâu để hiểu về niềm tin và lý giải đằng sau tri thức mình đang có. Cấp độ học này phù hợp để thay đổi những điều nhỏ, đưa ra những giải pháp tức thời.

• Cấp độ 2

(double-loop learning)

Tại cấp độ này, người học trả lời câu hỏi “Điều mà chúng ta đang làm có đúng đắn không?” (*Are we doing the right things?*). Sự khác nhau giữa cấp độ 1 và 2 chính là ở điểm, người học bắt đầu hoài nghi về tri thức mình đang được truyền thụ, định hình lại cách thức mà hành động và tri thức được tạo ra. Họ bắt đầu thay đổi cách thức ra quyết định và đào sâu hiểu biết về các giả thuyết mình đặt ra.

• Cấp độ 3

(triple-loop learning)

Cấp độ 3 trả lời câu hỏi “Chúng ta xác định điều đúng cần làm bằng cách nào?” (*How do we decide what is right?*). Thời điểm này là lúc người học thay đổi (*transform*) toàn bộ cách nhìn nhận vấn đề và xem xét lại góc nhìn cũng như thế giới quan của họ. Cách kiến tạo ra tri thức đã và đang được định hình bởi yếu tố nào?

Do vậy, việc học cần diễn ra ở cả ba cấp độ để đảm bảo chúng ta không bị “ngủ quên” với những thói quen trong tư duy và hành động, và kịp thời nhận ra những thay đổi cần thiết.

Để có thể xây dựng văn hóa học trong thành viên cộng đồng và những người đồng hành, chúng tôi nỗ lực biến mỗi khoảnh khắc trở thành một cơ hội học. Chúng tôi áp dụng lý thuyết **Chu trình học qua trải nghiệm** của David Kolb (1984) lý giải quá trình học tự nhiên của con người. Mọi điều chúng ta học được đều đi qua chu trình này: mỗi khi làm hoặc trải qua một việc gì đó (trải nghiệm), chúng ta có thể nhớ lại và phân tích những gì mình đã làm/trải qua (phân tích) để rồi rút ra được những bài học (khái quát) cho lần sau có thể làm khác đi như thế nào cho tốt hơn (áp dụng). Khi áp dụng những bài học đó vào thực tế, chúng ta lại có cơ hội có những trải nghiệm mới và nếu tiếp tục phân tích thì chu trình học này lại tiếp tục diễn ra. Cứ như vậy, con người học từ rất sớm thông qua chu trình học tự nhiên này. Do vậy, nếu các bài học đi theo chu trình này thì người học sẽ chủ động khám phá và làm chủ tri thức.



Tuy nhiên, không phải Trải nghiệm nào cũng được Phân tích, không phải cứ Phân tích là rút ra được Bài học đúng, và không phải cứ có Bài học đúng là sẽ Áp dụng thành công. Điều này lý giải tại sao trong cuộc sống, đôi khi chúng ta mắc đi mắc lại một sai lầm, làm đi làm lại một việc mà vẫn không thành công.

Hiểu được sự học nói chung giúp chúng tôi xác định được nhiệm vụ điều hành sự học (learning facilitation) của mình trong vai trò là người đồng hành với cộng đồng, để đảm bảo sự học diễn ra liên tục và tạo dựng văn hóa học. Hiểu về các cấp độ học và chu trình học qua trải nghiệm giúp chúng tôi biết cách phải thực hiện nhiệm vụ đó như thế nào để các bên tham gia cùng học được những bài học kịp thời và ý nghĩa.

Cảm thức cộng đồng và hành động tập thể

Định nghĩa về cộng đồng đã được Gusfield (1975) phân ra thành hai loại: một là cộng đồng địa lý – những người ở cùng trong một khu vực làng, xã hay đất nước. Thứ hai là cộng đồng có cùng mối quan tâm – những người có cùng đặc tính, mối quan tâm hay sở thích, không phân biệt về địa lý. Tuy nhiên, tính cộng đồng chỉ có được khi các thành viên của nó có được cảm thức cộng đồng, để thực sự cảm thấy mình thuộc về và mong muốn hành động cùng và vì nó.

Theo David W. McMillan và David M. Chavis¹⁴, cảm thức cộng đồng sẽ được thúc đẩy ở bốn 4 khía cạnh, bao gồm:

- *Tính thành viên*: cảm thức thuộc về một cộng đồng vì cộng đồng ấy chia sẻ những giá trị, cảm xúc và mối quan tâm chung.
- *Tính ảnh hưởng*: cảm giác mình có ý nghĩa, có đóng góp khác biệt cho nhóm và cũng nhận lại được từ nhóm.
- *Sự hòa hợp và hài lòng*: kết quả có được khi nhu cầu cá nhân được chia sẻ và được đáp ứng bởi những nguồn lực (tinh thần, vật chất) của nhóm.
- *Cảm giác “chung thuyền”*: sự cam kết và niềm tin giữa các thành viên rằng họ có chung một lịch sử, chung một nơi chốn, chung một thời đại, chung một trải nghiệm, chung một tương lai.

iSEE hướng đến thúc đẩy tiếng nói của các cộng đồng dân tộc thiểu số thông qua phát triển một mạng lưới bao gồm đại diện của nhiều nhóm dân tộc. Họ có thể đến từ các vùng miền khác nhau, nguồn gốc, xuất thân, nghề nghiệp, trải nghiệm khác nhau, nhưng cùng chia sẻ những giá trị, cảm xúc và mối quan tâm chung với các vấn đề liên quan đến các tộc người thiểu số; được sử dụng các nguồn lực chung để hiện thực hóa những tâm huyết của mình với cộng đồng, cảm thấy mình có ý nghĩa và đóng góp vào công việc chung; nhận thức rõ sức mạnh của tập thể và có niềm tin, sự cam kết vào sứ mệnh của mạng lưới, để không ngừng củng cố và phát triển nó như cộng đồng của chính họ. Tất cả những điều đó chỉ có thể có được thông qua việc làm cùng nhau. Cùng nhau học, thực hành các giá trị và trau dồi những năng lực cần thiết. Cùng nhau thảo luận, ra quyết định và hành động để có những trải nghiệm, bài học chung; để tạo ra những thành tựu chung mà trong đó có sự đóng góp của mỗi cá nhân và cả tập thể; để nhận ra giá trị của sự đồng lòng và đoàn kết trong việc tạo ra thay đổi. Do vậy, thúc đẩy cảm thức cộng đồng và hành động tập thể là một trong những nền tảng xây dựng và phát triển cộng đồng của chúng tôi.

¹⁴ <https://www.drdauidmcmillan.com/article-1/>

Phần 3

CHIẾN LƯỢC VÀ HÀNH ĐỘNG

3.1

Áp dụng tiếp cận Nhân học trong phân tích vấn đề và lựa chọn hành động

Ba trụ cột của phương pháp tiếp cận Nhân học luôn được chúng tôi áp dụng trong cách nhìn nhận và phân tích vấn đề trước khi quyết định hành động. Dưới đây là một số ví dụ.

Tiếp cận chính thể

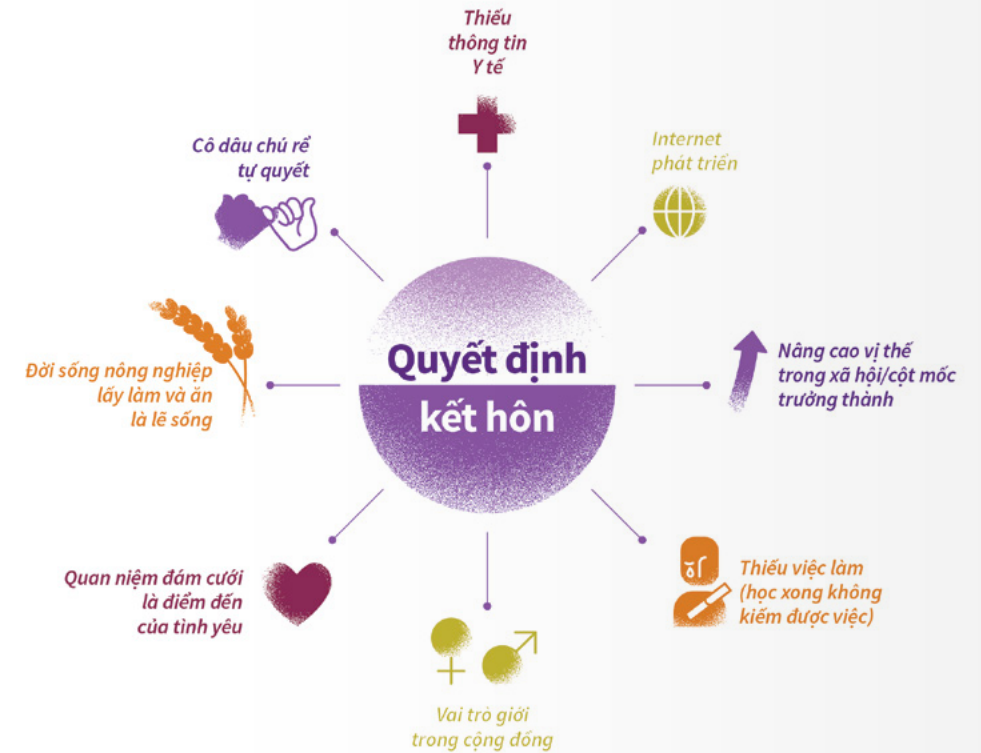
Chúng tôi luôn lưu ý rằng văn hóa/cộng đồng là một chính thể hoàn chỉnh, cần nhìn nhận văn hóa trong bối cảnh rộng nhất mà nền văn hóa hoặc cộng đồng đó tồn tại và cần nhìn văn hóa với nhiều thành tố về tự nhiên, kinh tế, xã hội, chính trị mà nền văn hóa đó nằm trong. Các thành tố này đan xen và ảnh hưởng tới nhau như những phần của một mạng lưới. Khi một thành tố chịu tác động và thay đổi, cả mạng lưới sẽ thay đổi theo.

Trong nghiên cứu Chuyển đổi sinh kế và vấn đề tín dụng của một số tộc người thiểu số tại Tây Nguyên và miền núi phía Bắc¹⁵, nhóm tác giả chỉ ra rằng, xu hướng chuyển đổi mô hình canh tác nông nghiệp từ “tự cấp tự cung” thành sản xuất hàng hóa - từ phía chính quyền và nhiều người dân nhận định, là sự thay đổi từ một hình thức lạc hậu sang một hình thức văn minh hơn, tiến bộ hơn. Trên thực tế, thay đổi này không chỉ dẫn tới những biến đổi về cây trồng (chuyển từ canh tác lúa rẫy sang cây công nghiệp) hay thay đổi về cách làm nông (chuyển từ nuôi trồng xen canh, đa canh sang trồng độc canh cây cà phê, cây bắp) mà còn ảnh hưởng tới nhiều thành tố khác trong đời sống:

- (1) gây ra nợ (ảnh hưởng đến khả năng tồn tại) cho người dân, do người dân không có nhiều vốn để đầu tư vào giống và phân bón;
- (2) dẫn đến tình trạng di cư, biến đổi không gian xã hội của cộng đồng (do nợ nhiều, trồng cây công nghiệp không hiệu quả, phải đi tìm việc làm tại những tỉnh khác);
- (3) thay đổi khả năng sở hữu tài nguyên của người dân địa phương, do nợ phải bán đất - tài sản lớn nhất để giúp người dân tồn tại;
- (4) Giảm chất lượng cuộc sống, do canh tác độc canh khiến người dân thiếu lương thực từ chăn nuôi. Trước kia, làm xen canh, trong khu vực trồng trọt, người dân vẫn kết hợp nuôi lợn, gà. Hiện giờ độc canh, trên một mảnh đất chỉ trồng cây công nghiệp, không chăn nuôi được và cũng không kết hợp để trồng hoa màu;
- (5) Sự biến mất của lối làm kinh tế duy tình, cộng đồng hỗ trợ nhau.



¹⁵ <http://isee.org.vn/Content/Home/Library/502/tin-dung-cac-toc-nguoi-thieu-so..pdf>



Sơ đồ các nguyên nhân dẫn tới quyết định kết hôn sớm

Bên cạnh đó, một biểu hiện, thực hành văn hóa không bao giờ nằm đơn lẻ. Một thực hành văn hóa luôn nằm trong những giao thoa, chi phối và là kết quả tác động từ các thành tố tự nhiên, kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội khác.

Vấn đề kết hôn trẻ em tại các tộc người thiểu số, thường được diễn ngôn là do vấn đề văn hóa - là hủ tục của các tộc người và trẻ em được nhìn nhận là nạn nhân - bị ép buộc - bởi cha mẹ và gia đình. Trên thực tế, qua nghiên cứu của iSEE tại Điện Biên, Yên Bái, Hòa Bình, Quảng Trị¹⁶ - quyết định kết hôn là do các em chủ động lựa chọn. Quyết định này được chi phối bởi nhiều chiều cạnh kinh tế và xã hội khác nhau. “Đời sống kinh tế nông nghiệp (với việc coi “làm ăn” là lẽ sống) và những quy chuẩn văn hóa tộc người là những nguyên nhân gốc rễ. Do sống trong điều kiện đòi hỏi đứa trẻ tham gia vào việc đóng góp sức lực, kinh tế cho gia đình, trẻ em dân tộc thiểu số được xem là trưởng thành khá sớm so với độ tuổi quy định kết hôn trong luật pháp. Bối cảnh “làm ăn” lao động để sinh tồn, đã chi phối mọi nhận thức và thực hành tình yêu và hôn nhân. Nam nữ đến tuổi trưởng thành được trông đợi không hưởng thụ mà phải tập trung vào lao động sinh sống. Mặt khác, trong bối cảnh của những quy chuẩn văn hóa phụ hệ, việc lập gia đình có ý nghĩa biểu tượng, thay đổi vị thế xã hội và ý nghĩa cho cuộc đời trẻ

¹⁶ Nghiên cứu: Kết hôn trẻ em ở một số cộng đồng tộc người thiểu số ở Việt Nam - http://isee.org.vn/wp-content/uploads/2019/01/2017_ChildMarriage_Report_VN_FINAL.pdf

em. Cách tư duy rằng hôn nhân là đích đến tất yếu và cần thiết của tình yêu đã trở thành ý niệm được duy trì và củng cố trong các tộc người, thông qua quá trình cá nhân tiếp nhận giáo dục từ gia đình và cộng đồng. Các em trai được trông đợi trở thành người trụ cột, có trách nhiệm trong gia đình, các em gái được trông đợi trở thành vợ và mẹ. Vì coi trọng việc “làm ăn” nên tất cả các hoạt động trong đời sống hầu như đều phục vụ mục đích sinh tồn. Học hành nếu không đáp ứng cho mục tiêu đó cũng trở thành thứ yếu.”¹⁷

Thông qua cách nhìn chính thể, chúng tôi nhận ra mình cần thận trọng với những hành động của các dự án với cộng đồng. Một hiện tượng (kết hôn trẻ em) không chỉ đơn lẻ là vấn đề phong tục hôn nhân, còn do các yếu tố kinh tế (thiếu việc làm, kinh tế gia đình phụ thuộc vào “làm ăn” lao động để sinh tồn) và yếu tố xã hội (thể hiện sự trưởng thành, vai trò giới trong cộng đồng) ảnh hưởng.

Khi tiếp cận chính thể, chúng tôi tự hỏi về những định kiến có sẵn của cá nhân với văn hóa, cộng đồng mà mình làm việc cùng. Các nền văn hóa khác nhau - không có cao có thấp; trong nội tại một nền văn hóa

cũng vậy, các thực hành văn hóa cũng không có thứ bậc, không có thực hành văn hóa nào là văn minh hơn hay lạc hậu hơn. Việc đem theo định kiến khi tác động có thể dẫn tới những ảnh hưởng mà chúng tôi không nhận thức được. Vấn đề kết hôn trẻ em, khi vội vã nhận định là một vấn đề của hủ tục lạc hậu, đã bỏ qua sự ảnh hưởng của các làn sóng văn hóa “hiện đại” trong thời gian gần đây. “Sự tiếp cận của trẻ em với các phương tiện liên lạc hiện đại như internet, Facebook, Zalo, cơ sở hạ tầng được đầu tư thuận lợi cho giao thông, việc giáo dục học tập nội trú, sự gia tăng của các phương tiện cá nhân (xe máy), sự phổ biến của tivi, cũng như sự giản đơn hóa các nghi thức kết hôn so với truyền thống khiến áp lực về tài chính khi kết hôn giảm xuống v.v...,”¹⁸

Để hiểu về văn hóa như một chính thể là một điều không dễ dàng. Trước mỗi dự án, chúng tôi tìm tới tham vấn của những chuyên gia đa ngành - giúp chúng tôi nhìn nhận văn hóa dưới nhiều góc nhìn và lĩnh vực khác nhau. Quan trọng hơn, cần sự tham gia và tham vấn từ chính cộng đồng - chủ thể văn hóa - những người có khả năng chi phối và chịu toàn bộ tác động bởi sự thay đổi của nền văn hóa đó.

¹⁷ Sdt, trang 7

¹⁸ Sdd, trang 8

Đề cao tính chủ thể

Trong những dự án phát triển, một câu hỏi luôn được đặt ra: Ai là người xác định vấn đề của cộng đồng? Ai là người quyết định dự án sẽ làm gì? Câu hỏi về vấn đề của một cộng đồng, không dễ dàng được trả lời. Bởi bao nhiêu năm nay, vấn đề của cộng đồng ít khi được cộng đồng nói ra, được cộng đồng xác định. Vấn đề của cộng đồng thường được đưa ra theo một chuẩn mực của người ngoài: vấn đề kinh tế - theo chuẩn kinh tế của những nơi được cho là kinh tế phát triển hơn; vấn đề văn hóa - theo chuẩn văn hóa của những nơi được cho là văn minh hơn; nghiên cứu tri thức tộc người - theo câu hỏi nghiên cứu cho trước của những nhà nghiên cứu bên ngoài cộng đồng. Những thang đo, những mục tiêu được định sẵn ấy khiến những vấn đề của cộng đồng ít khi được đặt lại câu hỏi, thực sự cộng đồng có cần thay đổi như vậy không? Tiếp cận chủ thể, trước hết để trả lời câu hỏi: Ai là người có quyền quyết định những thay đổi của cộng đồng.

Cộng đồng là người đưa ra quyết định, đó là xác định ban đầu của iSEE khi tiếp cận vấn đề. Bởi cộng đồng là chủ thể của văn hóa. Cộng đồng/ những cá nhân trong cộng đồng là những người ở bên trong, nhận mọi tác động khi mà kinh tế, xã hội, môi trường của địa phương thay đổi - dù thành công hay thất bại, họ cũng là những người nhận, sở hữu, và sống tiếp với những thay đổi đó trong phần còn lại của cuộc đời. iSEE tin rằng, cộng đồng có đủ tri thức để biết đâu là điều cần thay đổi, đủ tầm nhìn để thấy những rủi ro, đủ trách nhiệm để lo lắng cho những ảnh hưởng thiết thân với cuộc đời mình. Với đầy đủ năng lực như vậy, tại sao cộng đồng thường bị nhận định là những người không hiểu biết, những người lạc hậu, lười biếng? Phải chăng bởi họ đang sống trong một môi trường mà những tài năng của họ không có cơ hội để bộc lộ? Tiếp cận từ chủ thể cộng đồng - iSEE đi tìm những cách để mở ra những không gian mà trong đó cộng đồng tự chủ và tự quyết những vấn đề của mình - đây chẳng phải một điều dễ dàng, và cũng chẳng thể làm ngay khi vấn đề được đặt ra.

Là những người làm tác động, chúng tôi lo lắng về vị thế quyền lực vô hình của người làm dự án với cộng đồng. Trong tay vị thế quyền lực ấy, chúng tôi có rất nhiều khả năng quyết định mà nhiều khi, các quyết định của mình rất xa, và có thể trái ngược với những mong muốn của cộng đồng. Đặt câu hỏi về vị trí của mình với cộng đồng, chúng tôi tự hỏi - Cộng đồng là

người tham gia cung cấp dữ liệu cho một nghiên cứu, hay cộng đồng là người xác định câu hỏi nghiên cứu? Cộng đồng là người chọn vấn đề để giải quyết hay cán bộ dự án là người xác định vấn đề ngay từ đầu? Để trả lời những băn khoăn này, chúng tôi sử dụng một số cách thức làm việc như Sáng kiến cộng đồng, đồng nghiên cứu và đồng sáng tác.



Ảnh: Mạng lưới Tiên Phong đi giao lưu, học hỏi về xây dựng cộng đồng.

Trong hoạt động này, anh Nguyễn, người M'ông - nhóm Tiên Phong Dak Nông chia sẻ: "mình ở đây, mình biết ai có nhu cầu gì; biết mỗi người có khó khăn riêng và suy nghĩ riêng. Tùy theo mỗi người mà mình làm việc theo cách khác nhau."

Sáng kiến cộng đồng là hình thức mà cộng đồng xác định vấn đề của địa phương và quyết định đầu là vấn đề của mình. Các sáng kiến cộng đồng giúp cho người làm dự án, cho người ngoài cộng đồng nhận ra cộng đồng có nhiều vấn đề và mối quan tâm hơn những nhãn mác thường được gắn cho họ trên báo chí: như đói nghèo, lạc hậu. Các sáng kiến cũng cho thấy đầu là những mối quan tâm, những vấn đề thiết thân, thiết thực mà cộng đồng muốn giải quyết.

Nghiên cứu về người Pakoh của nhóm Tiên Phong Quảng Trị thể hiện khả năng độc lập của cộng đồng khi nhận thức vấn đề địa phương. Không phải kinh tế mà danh tính là điều mà người Pakoh ở Quảng Trị quan tâm và luôn đau đầu muốn bộc lộ - khi người Pakoh bị xếp vào trong danh mục dân tộc cùng với người Tà Ôi, người Pakoh muốn được gọi là một dân tộc riêng. Nhóm thực hiện nghiên cứu - nhóm Tiên Phong người Pakoh tại Tà Rụt, Quảng Trị - tự đi thu thập những hình ảnh, cách viết ngôn ngữ và truyện cổ của tộc người để chứng minh rằng, người Pakoh không phải người Tà Ôi. Căn cứ theo phân loại tộc người ở Việt Nam - 1 dân tộc được xác định qua 3 yếu tố: tiếng nói, thực hành văn hóa, nguồn gốc tộc người thì nhóm đã thể hiện sự khác biệt cả 3 yếu tố trên.

Sáng kiến xây cầu Ước mơ của nhóm Tiên Phong Đắk Nông mở rộng góc nhìn Thế nào là cộng đồng từ người trong cuộc. Tại Đắk Nông, cây cầu bắc qua sông Đắk R' măng được thực hiện bởi rất nhiều tộc người khác nhau, bao gồm cả tộc người tại chỗ (người M'ông) và người di cư (người Mông, người Kinh) - chủ thể cộng đồng được mở rộng hơn rất nhiều so với cộng đồng iSEE nhìn ban đầu. Cũng trong sáng kiến cây cầu Ước mơ, nhóm Tiên Phong Đắk Nông đã kết nối nguồn lực, sự hỗ trợ từ những nhóm khác nhau tại địa phương (nhà thờ, trường học, chính quyền). Với mỗi nhóm khác nhau, từng cá nhân khác nhau, anh Sardong Nguyễn có cách làm việc khác nhau để tất cả cùng chia sẻ mong muốn xây một cây cầu qua sông, một cây cầu do người dân tự xây không nằm trong bản đồ quy hoạch hay các dự án từ nhà nước rót tiền xuống. Cách thực hiện này, chỉ đến từ người hiểu rõ từng người, từng nhóm trong cộng đồng và thể hiện khi cộng đồng được đặt ở vai trò tự chủ, sẽ thực hiện những điều mà người ngoài phải rất vất vả hoặc làm với một nguồn lực lớn hơn rất nhiều.

Khi thực hiện các sáng kiến cộng đồng, nhóm iSEE đã học cách lùi lại, chậm lại trong các quyết định, trong các hoạt động của mình. Bởi những điều mình muốn làm thì luôn có sẵn, nhưng nếu đó không phải những điều cộng đồng muốn, không phải những điều cộng đồng cần thì mình cần hiểu và điều chỉnh những nhu cầu thay đổi xã hội của bản thân. Đây là một điều khó, thách thức chính mong muốn thay đổi thế giới theo hướng duy ý chí của những con người cho mình là khả tri - biết tất cả mọi việc.

Cùng với sáng kiến cộng đồng, **đồng nghiên cứu** và **đồng sáng tác** là những phương thức để mở ra những không gian cộng đồng tự chủ trong lĩnh vực nghiên cứu và sáng tác nghệ thuật. Thách thức lớn nhất của những lĩnh vực này là xưa nay, những tri thức của người dân tộc thiểu số thường là của người đa số viết nên và truyền thông; những sản phẩm nghệ thuật về chủ đề dân tộc thiểu số là của nghệ sĩ làm và nói về người dân tộc thiểu số. Vai trò của chuyên gia (nhà nghiên cứu, nghệ sĩ - được cấp bằng - theo hệ thống) thường là người ngoài cộng đồng được đề cao hơn cộng đồng mà họ làm việc. Dẫn đến cộng đồng không sở hữu tri thức về dân tộc mình, những chuyên gia bảo cách thực hành văn hóa của họ là cổ hủ lạc hậu nghĩa là cổ hủ lạc hậu - cộng đồng không có cơ hội phản biện, cũng không có quyền quyết định những ý nghĩa trong những tri thức “về tôi” và “của tôi”.

Đồng nghiên cứu đặt lại vai trò của chuyên gia và cộng đồng. Trong cách thực hiện này, nhà nghiên cứu có vai trò hỗ trợ, mở ra không gian thảo luận. Các câu hỏi nghiên cứu, các chủ đề đưa ra và lựa chọn là kết quả của quá trình tìm tòi, gởi mọt các chủ đề mà cộng đồng đưa ra và lựa chọn.

Nghiên cứu Đi tìm chữ Mông¹⁹, với mục tiêu tìm ra vấn đề mà cộng đồng muốn tìm hiểu tại Sapa. Ban đầu, Bản thân nhóm nghiên cứu “rất quan tâm đến những vấn đề ví mô như đất rừng, khai khoáng, định kiến tộc người vì cho rằng đó là những chủ đề “hấp dẫn”, “quan trọng”, có tính khái quát cao. Mặc dù đặt mục tiêu chuyển quyền lựa chọn đề tài nghiên cứu sang cho người dân theo đúng tinh thần của cách tiếp cận nghiên cứu cùng cộng đồng, nhưng trong thâm tâm, nhóm nghiên cứu vẫn kỳ vọng cộng đồng sẽ chọn những đề tài hợp với mối quan tâm đó.” Tuy nhiên, sau quá trình thảo luận, với sự tham gia phỏng vấn của những nghiên cứu viên người Mông Sapa (chị Sa, anh Cửa), mối quan tâm thiết yếu của cộng đồng là chữ viết của người Mông - một vấn đề “vi mô”, nằm ngoài kỳ vọng và sự hiểu biết của nhóm nghiên cứu²⁰. Tiếp tục tiến trình đồng nghiên cứu,

¹⁹ http://isee.org.vn/wp-content/uploads/2019/01/2015_Di_tim_chu_Mong_VN.pdf

²⁰ Sdd, trang 5

VIỆN NGHIÊN CỨU XÃ HỘI, KINH TẾ VÀ MÔI TRƯỜNG



ĐI TÌM CHỮ MÔNG

Nghiên cứu cùng cộng đồng Mông thôn Giàng Tra, xã Tả Phìn, huyện Sa Pa

isee care NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

là những bất ngờ liên tục. Việc học chữ Mông không phải chỉ để lưu lại những bài hát, phong tục (vấn đề văn hóa) mà còn để biết cách làm ăn tính toán, để trao cứu thông tin (vấn đề kinh tế) và để khẳng định căn tính dân tộc Mông, sự thiếu vắng của thành tố này dẫn đến bối rối khi nói đến lòng tự tôn dân tộc. Bên cạnh đó, ban đầu, nghiên cứu muốn tìm hiểu về chữ Mông Bác Hồ, nhưng thực tế cộng đồng lại có nhu cầu sử dụng chữ Mông Quốc Tế để dễ dàng trao đổi với người Mông ở nhiều nơi hơn; chữ Mông Quốc Tế cũng được dùng phổ biến hơn nhưng cộng đồng lại dè dặt bởi những cản trở của chính sách tộc người ở Việt Nam.

Kết quả của Đi Tìm chữ Mông chứng minh được rằng, việc chuyển đổi vai trò của cộng đồng trong một nghiên cứu giúp người nghiên cứu nhận ra đâu là điều thực sự mà cộng đồng mong muốn giải quyết; cũng như làm hiện hình những vấn đề tưởng như là nhỏ/ mờ/ ẩn/ bị bỏ quên lại có tác động quan trọng tới đời sống tộc người - những điều mà chỉ có người trong cộng đồng mới biết. Kết quả này, cũng giúp cộng đồng có cơ hội bộc lộ khả năng nghiên cứu, tìm hiểu và tạo ra những tri thức riêng.



Đồng sáng tác bắt nguồn từ ý tưởng “cộng đồng là người tạo tiếng, nghệ sĩ là người tạo hình” (dự án Cưng - Đụng - Chạm, 2017). Đồng sáng tác là một tiến trình để nghệ sĩ và cộng đồng gặp gỡ, va chạm và cùng sáng tạo. Trong tiến trình này, vai trò của chủ thể sáng tạo và đầu là tiếng nói của cộng đồng thường được trở đi trở lại nhiều lần với các mức độ khác nhau. Để chuẩn bị cho tiến trình này, ở bước cơ bản nhất, người nghệ sĩ và cộng đồng cần được giới thiệu trước; được chuẩn bị những kiến thức, cách tiếp cận để quá trình sáng tạo không phải quá trình một chiều.

Trong tác phẩm, *Vùng đất của lựa chọn* (nhóm nghệ sĩ và cộng đồng người Thái di cư tại Dak R mǎng), vai trò của người nghệ sĩ là hướng dẫn dân làng làm con rối và biểu diễn rối. Quá trình tạo nên vở diễn, là một hình thức khác của việc bà kể lại cho các cháu về đám cưới truyền thống tại quê hương (Thanh Hóa), bố kể cho con nghe về nhà sàn người Thái ở quê như nào, có bao nhiêu cái cột... - tất cả những chất liệu này, quá trình sáng tác này đều nằm trong cộng đồng, người nghệ sĩ giúp làm hiện hình lên theo một cách khác, như người mẹ đỡ đầu chứ không phải như người mẹ ruột của tác phẩm.

Ảnh: Quá trình thực hiện tác phẩm *Vùng đất của sự lựa chọn*. Các em thiếu niên sau khi nghe bố và bà kể về quê hương đã vẽ lại theo trí tưởng tượng của mình



Trong suốt 4 năm với những hoạt động đồng sáng tác của các nghệ sĩ khác nhau, với những cộng đồng Tiên Phong khác nhau, câu hỏi “Đâu là điều thực sự cộng đồng muốn kể” và “Vai trò của người nghệ sĩ là gì?” luôn được đặt ra liên tục với cả nghệ sĩ tham gia và cán bộ dự án.

Trong tác phẩm về Hồn vía của Kanh và Nguyễn Phương với nhóm Tiên Phong người Thái tỉnh Điện Biên, anh Tông Văn Hân - nhóm Tiên Phong Điện Biên đã có thảo luận chuyên sâu với nhóm nghệ sĩ nhiều lần về bản chất cũng như hình tượng hồn vía trong văn hóa Thái tại Mường Thanh nói chung và quan niệm của người Thái tại xã Noong Luống và xã Thanh Chăn nói riêng. Sau khi hoàn thành phác thảo và trình bày ý tưởng với cộng đồng, 2 nghệ sĩ nhận được đóng góp cũng như không tán thành việc mở rộng ý tưởng từ phía nhóm Tiên Phong Điện Biên. Nhóm nghệ sĩ đã chủ động không mở rộng ý tưởng và giữ nguyên kế hoạch tác phẩm như đã trình bày trước đó.

Trên phương diện khác, tiếp cận chủ thể cần những lưu ý, những thời điểm phân tu, tự hỏi: đâu thực sự là chủ thể và thế nào là cộng đồng, đâu là người trong và ngoài cộng đồng?

Giai đoạn đầu của dự án về Kết hôn trẻ em, dự án dùng phương pháp photovoice (nghiên cứu sử dụng góc nhìn của người trong cộng đồng, cộng đồng tự chụp ảnh đời sống của mình) để tìm hiểu về góc nhìn kết hôn trẻ em từ người trong cộng đồng. Tuy nhiên, người thực hiện photovoice là những người được chọn do có kinh nghiệm làm dự án chứ không phải những người thực sự quan tâm và không phải người trong gia đình có người kết hôn sớm. Kết quả là không có bức ảnh nào về kết hôn sớm - do những gia đình làm kết hôn sớm không muốn mời người ngoài, cũng không muốn “khoe” một hành vi trái pháp luật cho người ngoài gia đình mình. Các bức ảnh và câu chuyện cũng mang định kiến của người đã quen với việc làm dự án phát triển tới những cô dâu chú rể trẻ tuổi. Như vậy, người thực hiện là người trong cộng đồng thôn bản, trong cộng đồng tộc người nhưng không phải trong cộng đồng dòng họ, cộng đồng gia đình. Khiến cách nhìn về vấn đề kết hôn sớm - một hiện tượng trong gia đình, mà người trong cuộc là cô dâu, chú rể, các thành viên khác trong gia đình - bị nhìn từ người ngoài. Dẫn đến các câu chuyện được kể là những câu chuyện về “người khác” chứ không phải câu chuyện về tôi. Nhận

ra sai lầm này, dự án thay đổi đối tượng thực hiện dự án - thay vì là những người cộng tác với dự án lâu năm, được đánh giá là “nhanh nhẹn” - sang những người mới được khảo sát nhu cầu, thực sự mong muốn tham gia. Nhóm này có hơn 50% là những người lập gia đình từ năm 15, 16 tuổi. Vấn đề muốn giải quyết cũng được đặt lại, và tìm ra 3 chủ đề mà cộng đồng quan tâm:

(1) Sinh kế của các hộ gia đình: quyết định kết hôn sớm hưởng tới giải quyết vấn đề sinh kế do đi học không kiếm được việc làm, kết hôn sớm là gia đình có thêm lao động, sớm có gia đình sớm được coi là trưởng thành và quyết định sinh kế của cá nhân),

(2) học tập của trẻ em gái: do quy định của vai trò giới trong cộng đồng, các em gái ít có cơ hội công việc hơn các em trai.

(3) tiếp cận internet an toàn: internet tăng khả năng các em học sinh gặp mặt, hò hẹn, và tăng cơ hội kết hôn sớm.

3 lựa chọn này cho thấy các vấn đề mà cộng đồng tự quyết định (agency) thể hiện rõ góc nhìn người trong cuộc (emic view) và có liên quan chặt chẽ tới các thành tố khác trong đời sống cộng đồng (tính tổng thể).

Lắng nghe góc nhìn của người trong cuộc

Năm 2017, iSEE có 1 nghiên cứu về người dân tộc thiểu số thuộc cộng đồng LGBTIQ, với mong muốn tìm hiểu tình trạng của những nhóm nằm ở điểm giao của các danh tính. Để bắt đầu nghiên cứu, chương trình LGBT của iSEE giả định rằng, những người dân tộc thiểu số là người đồng tính, song tính, chuyển giới có thể mang 1 lúc 2 tầng định kiến - định kiến bởi là người dân tộc thiểu số và định kiến bởi là người đồng tính, song tính, chuyển giới từ trong cộng đồng. Nghiên cứu tiến hành trong tại cộng đồng người Mông Hoa tại Bắc Hà, Lào Cai và cộng đồng người Thái Đen tại Nghĩa Lộ, Yên Bái. Tuy nhiên, quá trình khảo sát xác định vấn đề không chỉ ra những định kiến liên tầng như iSEE giả định ban đầu; kết quả phỏng vấn còn đưa ra những nhận định theo hướng ngược lại. Một người tham gia phỏng vấn trả lời: “Người đồng tính tội nhì, không lập được gia đình”. Điều này thể hiện, với góc nhìn từ cộng đồng, những người đồng tính, song tính, chuyển giới không chịu định kiến như tại môi trường đô thị/ môi trường của người Kinh. Ngược lại, họ còn được thương cảm bởi không thể có gia đình (theo cách truyền thống là nam lấy nữ) nên chịu những thiệt thòi: không có người giúp đỡ trong gia đình, không có con - những giá trị mà cộng đồng coi trọng. Sau quá trình khảo sát, nhóm thực hiện dự án quyết định dừng dự án và trả lại quỹ cho nhà tài trợ vì nhận thấy sự khác nhau rất lớn giữa tiền giả định của người làm dự án và quan điểm từ phía cộng đồng và những tác động của dự án có thể ảnh hưởng tiêu cực tới cộng đồng.

Qua câu chuyện trên, toàn bộ iSEE nhận ra, những định kiến nằm trong người đa số có thể không tồn tại trong văn hóa của cộng đồng thiểu số và góc nhìn về một vấn đề (dù cả hai đều mong muốn hỗ trợ người yếu thế) là rất khác nhau.

Tiếp cận từ quan điểm của người trong cuộc, trước hết, giúp iSEE hiểu hơn về cộng đồng, những điều đau đáu mà cộng đồng muốn thực hiện, cách suy nghĩ và điều mà cộng đồng quan tâm. Để thực hiện điều này, iSEE luôn để mở các hoạt động để có một hướng đi khác với dự kiến ban đầu của dự án. Bên cạnh đó, cộng đồng được tham vấn trong suốt quá trình thực hiện dự án (từ thiết kế đến tiến hành hoạt động).



Ảnh: Hội già làng thôn A Tieng, Tà Rut thảo luận về luật tục quản lý đất đai và vai trò của già làng trong đời sống đương đại

Trong dự án Luật tục - Luật đất đai, quá trình thiết kế được tham gia bởi anh Mả A Pho (người Mông, Lào Cai). Trong tiến trình thực hiện, góc nhìn về luật tục được mở rộng, khi mỗi cộng đồng có cách nhìn về luật tục quản lý đất đai khác nhau. Từ hình dung ban đầu về 1 nghiên cứu chung, dự án triển khai thành 3 chủ đề khác nhau liên quan tới việc quản lý đất: quản lý rừng cộng đồng của người Thái Điện Biên, hội đồng già làng tham gia hòa giải tranh chấp đất đai của người Pakoh tại Quảng Trị và cách già làng truyền tải thông tin của người Ede tại Daklak. Tiến trình này, không thể được xác định từ ban đầu nhưng mở ra nhiều hướng đi đa dạng, khiến các chủ đề về dùng luật tục ứng dụng vào luật đất đai - ban đầu xa lạ với nhiều cộng đồng trở nên gần gũi hơn và nhìn trong nhiều góc độ hơn.

Tiếp cận từ quan điểm của người trong cuộc, cũng là thúc đẩy những tiếng nói từ nhóm yếu thế - khi quyền được lên tiếng trên những phương tiện thông tin đại chúng, trước pháp luật,... thường là của những người nắm nhiều quyền lực, là các phóng viên - thường là người ngoài cộng đồng. Việc thiếu những tiếng nói của người trong cuộc, phần nào khiến xã hội mất đi tính đa dạng, thiếu những câu chuyện cụ thể và các vấn đề trong xã hội dễ bị điều hướng bởi những góc nhìn một chiều. Hướng tới một xã hội bình đẳng hơn, một xã hội mà các vấn đề được nhìn nhận đa thanh, đa nghĩa, đa chiều hơn. iSEE cùng các cộng đồng mở ra những không gian để những quan điểm từ người trong cuộc được cất tiếng, và tìm những phương tiện để tiếng nói được truyền tải tới khán giả phổ thông, người làm chính sách, truyền thông...

Photovoice và **video voice** là những phương pháp đồng nghiên cứu để thể hiện góc nhìn trong cộng đồng bằng cách cộng đồng chụp những bức ảnh về những chủ đề mà cộng đồng muốn kể. Trước khi có photovoice, những tấm ảnh về các cộng đồng dân tộc thiểu số thường do người ngoài chụp (thực dân, khách du lịch, nhà nghiên cứu). Những bức ảnh đó thể hiện hình ảnh của cộng đồng qua góc nhìn của người ngoài cuộc. Những tấm ảnh của thực dân Pháp nhấn mạnh những cô gái thuộc địa mang đầy tính dục, những khách du lịch chụp một người dân tộc thiểu số luôn tươi cười và luôn mang trang phục truyền thống. Tất cả những bức ảnh ấy nói về cộng đồng nhưng tái trình hiện qua góc nhìn của người ngoài. Người trong cuộc xuất hiện rất nhiều trên truyền thông nhưng họ vô thanh. Với photovoice, người chụp ảnh là người trong cộng đồng, những mong muốn kể, những hình ảnh được kể cũng là của người trong cộng đồng thực hiện và chọn lựa.

“Hôm đó cô nghe báo người dân tộc thiểu số của mình hay được miêu tả là nhiều lễ hội nên hoang phí, lại còn lười. Cô tức lắm, mình làm miết chữ đâu có lười. Nên cô giơ tay tham gia, lúc giơ tay cô ngại lắm, xung quanh toàn đàn ông, người trẻ không giơ tay mà mình là phụ nữ, già. Cô giơ tay xong những người kia mới giơ tay. Xong cô vẫn ngại, run lắm, mà Cô muốn kể câu chuyện của dân tộc mình, muốn khoe văn hóa của mình ... Học xong 4 buổi, cô chạy ngay đi chụp người đào hố, chụp người làm đồng, chụp đụn rơm. Rơm quý lắm, rơm dùng để trải lên rẫy để trồng rau, rơm cho trâu cho bò nữa. Nhưng ở sóc ít rơm nên giữ cho rẫy là chính. Nhìn đồng rơm tưởng vớt đi mà không phải vậy đâu.” (Cô Kiều, nhóm Tiên Phong Sóc Trăng, tham dự photovoice Văn hóa của mình).

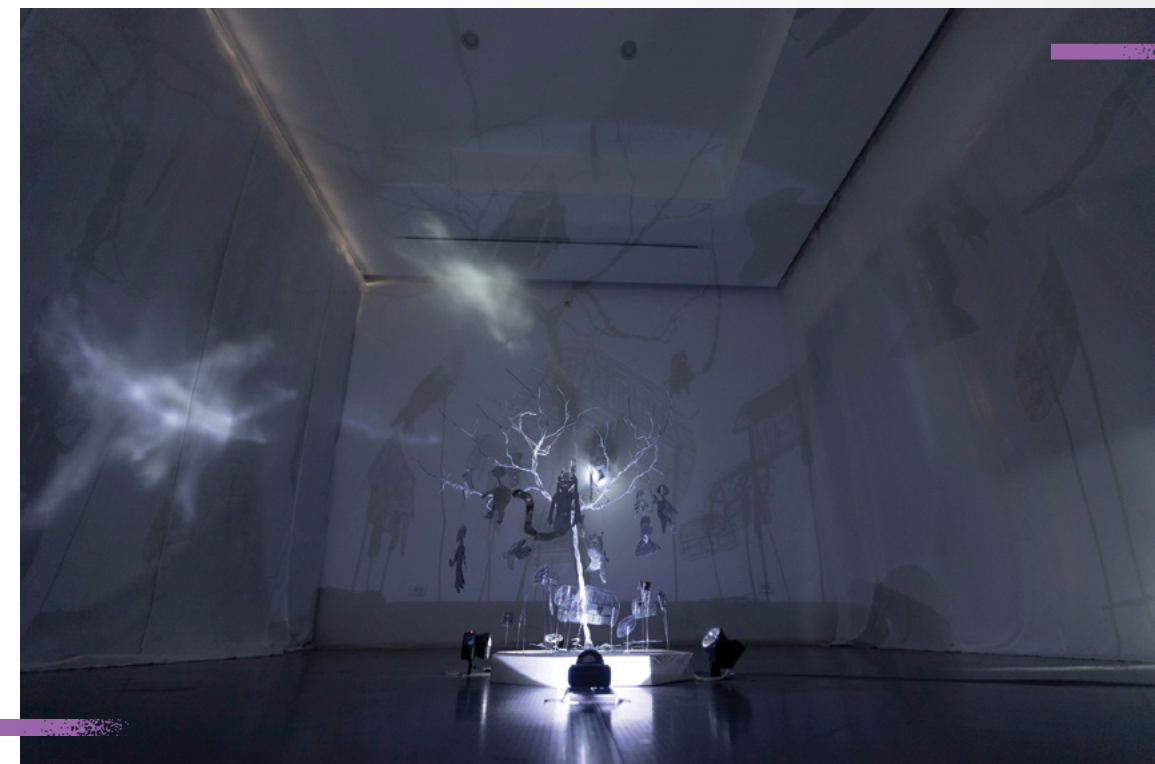
Với mục đích thúc đẩy cao nhất góc nhìn từ phía cộng đồng. Toàn bộ quá trình làm photovoice cần đặt câu hỏi: vai trò của người ngoài cuộc là gì? Cán bộ dự án có thể tác động đến các sản phẩm hình ảnh tới đâu?

Trong quá trình lựa chọn hình ảnh photovoice, Hoàng Huy Thành, cán bộ dự án iSEE chia sẻ: “Mình làm việc với mọi người đưa ra bộ tiêu chí để lọc ảnh. Mình chỉ đưa ra ý kiến thôi mọi người tự để xuất và chọn. Như ảnh được chọn cần đảm bảo kỹ thuật gì? Nội dung ảnh có những yếu tố nào? Lúc đó mọi người đưa ra: không cắt đầu, cắt chân; ảnh có nhân vật, đúng nội dung muốn kể... Đây là những lưu ý rất nhỏ trong từng giai đoạn của dự án, cán bộ dự án nhận thức rõ vai trò của mình và mục đích cuối cùng là câu chuyện mà cộng đồng muốn kể, chọn kể”.

Các **triển lãm**, và **tọa đàm** mà cộng đồng làm chủ là không gian để những tiếng nói được vang xa. Trong hoạt động đồng sáng tác, “tiếng” của cộng đồng được hình thành trong quá trình sáng tác và được cất lên tại các triển lãm ở Hà Nội để tới với công chúng và truyền thông.

Triển lãm Đi ngược miền sáng 2019 là không gian để những diễn ngôn chính thống về người dân tộc thiểu số được nhìn ngược lại từ phía cộng đồng. Tác phẩm Những thế giới song song của nhóm Ede kể về sự gắn bó giữa rừng với cộng đồng. Mà trong đó, rừng là môi sinh, là nơi sinh ra, thiêng liêng, cần bảo vệ, cần e sợ. Người Ede hiểu rừng và sợ rừng, họ biết luật của rừng nên cần phải giữ rừng. Trong 1 diễn ngôn khác về người dân tộc thiểu số: là người “phá rừng làm rẫy”, hay niềm tin với ma quỷ là “mê tín dị đoan”. Xoay quanh khái niệm ma và rừng là cách những người trong cuộc và ngoài cuộc cùng nhìn, suy ngẫm về cách truyền thông vẫn kể về những định kiến từ một góc nhìn khác.

Ảnh: Tác phẩm Những thế giới song song



Tọa đàm Nghe từ lòng dân bộc lộ những câu chuyện mà các con số trong báo cáo giảm nghèo trong chương trình 30A và 135 của Chính phủ không thể hiện. Theo các báo cáo đánh giá dự án giảm nghèo, tỉnh Lào Cai đã không còn tình trạng “trắng” hạ tầng giao thông, cấp thoát nước. Tuy nhiên, câu chuyện của nhóm Tiên Phong Lào Cai đem tới lại là một công trình kênh mương không hiệu quả, khiến các nhà thiếu nước sạch và phải thay nhau chặn mương để dùng nước. Những câu chuyện khác đến từ Thanh Hóa, Quảng Trị, Sóc Trăng, Thái Nguyên cũng kể về những công trình giảm nghèo được hoàn thiện về mặt hình thức nhưng chất lượng không đảm bảo gây nguy hiểm tới đời sống của người dân khi sử dụng và làm lãng phí tiền của nhà nước. Các câu chuyện này là bổ sung cho những con số những báo cáo không có khuôn mặt con người. Thể hiện trách nhiệm của người dân khi tham gia giám sát nguồn vốn dành cho các công trình công cộng.

Ảnh: Tọa đàm Góc nhìn Tiên Phong - Bàn về tang văn minh.

Trong ảnh, Giàng A Bê (MC) đang đặt vấn đề với chú Má A Vàng (người Mông Lào Cai), anh Giàng Mí Hờ (người Mông Hà Giang), thực sĩ Nghiêm Hoa (chuyên gia nhân quyền), tiến sĩ Hoàng Cẩm (chuyên gia nhân học)



Góc nhìn Tiên Phong, là chuỗi các tọa đàm để cộng đồng phản biện lại các chính sách, các vấn đề ảnh hưởng tới đời sống của mình và đưa góc nhìn của người trong cuộc trực tiếp tới báo chí và truyền thông. Tọa đàm “Bàn về tang Văn minh” đáp lại công văn cấm để xác chết ở bên ngoài, dài ngày mà thực hiện đám tang văn minh: đưa người chết vào quan tài, không tổ chức đám tang lâu ngày tại huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang. Những khách mời là chú Má A Vàng (người Mông Lào Cai) và anh Giàng Mí Hờ (người Mông Hà Giang). Giải thích về các tập tục trong đám tang, chú Vàng nói: để xác nhiều ngày với mong muốn để con cháu khi về kịp nhìn mặt cha mẹ khi chết. Dùng đòn khiêng (con ki) là biểu tượng cho con ngựa đưa linh hồn tìm về quê cũ. Do người Mông là người di cư có lịch sử nhiều đau thương và luôn mong muốn trở về quê cũ nên các bài tang ca (dẫn đường về quê) và hình ảnh con ki đều thể hiện nguyện ước của tộc người. Việc thay đổi một chi tiết nhỏ trong đám tang mà chưa hiểu rõ sẽ ảnh hưởng lớn tới ý nghĩa của văn hóa được truyền tải từ đời này sang đời khác. Trong tọa đàm, anh Hờ nói gia đình anh nhất quyết không bỏ những thực hành theo truyền thống; tuy nhiên chú Vàng nói ở Sapa đã chuyển người chết vào quan tài rồi, giúp đảm bảo vệ sinh và không mất công canh giữ xác chết nhiều như trước. Tuy nhiên để thay đổi từ con ki sang quan tài, bà cô (người có vai trò làm lễ) phải rút lời khấn về con ki trong bài khấn và bổ sung lời khen khi đi quan tài gặp được nhiều điều tốt lành. Qua đối thoại giữa những góc nhìn từ 2 cộng đồng Mông khác nhau, khán giả thấy rõ sự khác biệt của việc thay đổi mang ý chí của người ngoài cộng đồng (thực hiện văn minh, xóa bỏ lạc hậu) với quyết định của người trong cuộc (truyền tải ý nghĩa của việc thực hành văn hóa trong đám tang). Quan điểm của người trong cuộc khi được nói lên cũng bổ sung những thiếu sót mà chính sách chưa nghĩ tới và khiến người thực hiện dự án hiểu rằng các cộng đồng tộc người rất đa dạng, cùng là người Mông nhưng lựa chọn ứng biến với những thay đổi xã hội mới, đáp ứng nhu cầu mới là khác nhau.

Thúc đẩy quan điểm từ người trong cuộc, là quá trình mà chúng tôi học về vai trò của mình cũng như những giới hạn của chúng tôi khi không phải người trong cộng đồng. Ban đầu, khi thiết kế nội dung cho tọa đàm Bàn về Tang văn minh, iSEE không thể hình dung trước chính trong những cộng đồng mình làm việc cùng đã tồn tại các cách ứng biến khác nhau, quan điểm khác nhau về quá trình vận động làm đám tang văn minh của nhà nước. Những quan điểm từ cộng đồng, thêm một lần khẳng định niềm tin về những khả năng lựa chọn và thay đổi thực hành văn hóa từ trong cộng đồng, cũng như những thay đổi đó cần được tham vấn và đưa ra giải pháp cùng cộng đồng.

Tiếp cận chính thể, để cao tính chủ thể và lắng nghe góc nhìn của người trong cuộc là ba trụ cột của Nhân học mà iSEE lựa chọn áp dụng cho cách tiếp cận của iSEE với cộng đồng. Tuy nhiên, ba trụ cột này không đứng riêng rẽ hay phân tầng từ cao tới thấp mà luôn hỗ trợ cho nhau. Trong không gian mà cộng đồng làm chủ, chứa những góc nhìn từ người trong cuộc; trong những góc nhìn của cộng đồng luôn liên hệ những ảnh hưởng, tác động đa chiều. Xuyên suốt tiến trình ấy, là những câu hỏi của người làm dự án về vai trò của mình và khả năng tác động của mình vào quá trình nào. Để vừa là người đồng hành, vừa giúp cộng đồng tự chủ; vừa thúc đẩy cộng đồng, vừa tôn trọng tới đa góc nhìn người trong cuộc; và cẩn trọng với những ảnh hưởng đa chiều mà một dự án có thể tác động. Việc sử dụng các trụ cột này là một quá trình học hỏi và thực hành, nằm trong những giao tiếp và đối thoại của nhóm thực hiện dự án với cộng đồng và giữa chính những cán bộ dự án với nhau.

3.2

Phát triển Mạng lưới Tiên Phong vì Tiếng nói của người dân tộc thiểu số

Để hiểu về quá trình hình thành và phát triển của Tiên Phong thì có lẽ trước tiên cần hiểu bối cảnh liên quan đến cộng đồng dân tộc thiểu số - các thành viên Tiên Phong nghĩ mình là ai trước khi đến với Tiên Phong.

Như đã mô tả ở trên, các diễn ngôn thống soát về người dân tộc thiểu số mang ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng tiến hoá luận gây ra những định kiến với các cộng đồng này và khiến cho họ cũng nội tâm hoá các định kiến về mình. Điều này khiến cho các nhóm tộc người thiểu số khá e dè và thiếu tự tin trong tương tác với nhóm đa số. Sự tự định kiến khiến phần lớn người dân tộc thiểu số thấy mình kém hơn, lạc hậu hơn người Kinh và vì vậy họ không dám nói lên suy nghĩ của mình và chấp nhận “thân phận” của mình. Trong một khoá học về định kiến và kỳ thị, được tổ chức vào khoảng những năm 2013 - 2014, các thành viên tham dự học đều nghĩ rằng là một thành viên trong xã hội thì mình phải nghe và tuân thủ, phục tùng các quy định và “cán bộ nhà nước”. Các thành viên lúc đó không có ý niệm gì về phản biện chính sách hay góp ý cho các chương trình phát triển kinh tế xã hội.

Khi so sánh những định kiến và kỳ thị mà cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng LGBTQI đang gặp phải, các thành viên của iSEE nhận ra rằng những định kiến và kỳ thị với nhóm LGBTQI là trực diện nên những cảm nhận về sự bất công của họ rất rõ rệt. Trong khi

đó, những định kiến và kỳ thị mà nhóm dân tộc thiểu số phải đối mặt lại được che đi bởi lớp áo là sự “giúp đỡ” theo kiểu “Kinh và Bana là anh em, và anh cần giúp em”. Chính vì vậy mà cảm nhận về sự bất công trong nhóm dân tộc thiểu số không rõ bằng và trong tương tác với những người đang định kiến với mình, nhóm dân tộc thiểu số lại mang theo sự hàm ơn. Điều đó khiến cho động lực để lên tiếng và tạo ra những thay đổi sẽ khó khăn hơn so với nhóm LGBTQI. Nói một cách khác, danh tính (Identity) là LGBTQI không được xã hội thừa nhận nên cộng đồng có động lực rất lớn để tăng sự hiện diện của mình, để khẳng định sự tồn tại và đòi hỏi sự thừa nhận. Còn đối với người dân tộc thiểu số, danh tính của họ được thừa nhận nhưng lại chưa được tôn trọng, nên cộng đồng cần nhận ra điều đó để có động lực lên tiếng đòi hỏi sự tôn trọng xứng đáng.

Quá trình xây dựng Tiên Phong cũng chính là quá trình dỡ bỏ những sự tự định kiến, tác động đến diễn ngôn và thay đổi vị thế của người dân tộc thiểu số trong tương quan quyền lực với nhóm đa số. Một số chiến lược xây dựng mạng lưới đã được sử dụng trong tiến trình này.



Ảnh: Ảnh chụp tập thể của Tiên Phong

Thúc đẩy tinh thần Tự hào – Tự tin – Tự chủ

Tự hào – Tự tin – Tự chủ là một logic có tính chiến lược mà nhóm đồng hành đã sử dụng để các thành viên thành viên mạng lưới Tiên Phong tự dỡ bỏ định kiến, tự tin vào bản thân để tự nói về mình. Việc bắt đầu tác động vào niềm tự hào, chứ không phải sự tự tin, là có lý do. Khi người dân tộc thiểu số tự ti, nghĩ mình kém hơn người Kinh thì việc động viên họ tự tin lên chỉ truyền tới họ thông điệp “anh đang thiếu tự tin” và điều đó tiếp tục củng cố sự tự ti ở họ.

Ý thức được rằng con người ta định nghĩa về khả năng của mình qua tương tác với người khác, cùng với niềm tin rằng các cộng đồng dân tộc khác nhau có rất nhiều nét văn hoá đẹp để các cộng đồng khác biết đến và học hỏi, chuỗi sự kiện **“Tôi tin Tôi có thể”** đã được tổ chức thường niên từ năm 2015 để các nhóm dân tộc thiểu số có cơ hội chia sẻ về văn hoá của mình, đặc biệt là ý nghĩa của các thực hành văn hoá đó đối với cuộc sống của họ, để từ đó có thêm cơ hội nhận biết và đánh giá về văn hoá của mình thông qua những hồi đáp từ người xem.



Sự kiện đầu tiên có tên “Tôi tin Tôi có thể - Bản hoà ca đa sắc” tổ chức vào tháng 1/2015. Thư mời từ viện ISEE được gửi tới những nhóm cộng đồng đang tham gia các dự án với nhiều tổ chức phi chính phủ khác nhau. Các nhóm tự chọn tiết mục để đăng ký tham dự và chỉ có khoảng một tháng để tập và hai ngày tổng duyệt tại Hà Nội. Vậy mà đêm diễn đã rất tuyệt vời với những màn trình diễn đẹp, và xúc động hơn cả là những lời giải thích về ý nghĩa của các lời ca, điệu múa, các thực hành văn hoá khiến khán giả ở ò. Ví dụ như câu chuyện về tục Kéo vợ của người Mông được tái hiện trên sân khấu. Trong tiết mục đó, chị Hạng Thị Sa, người được kéo tới 5 lần kể chi tiết về thực hành này và kết luận rằng “Chị rất tự hào là mình được kéo tới 5 lần, bởi thể nghĩa là mình được nhiều người thích. Chỉ khi mình gặp người mình cũng thích thì mình mới nhận lời kết hôn”. Nhiều người không tin là các nhóm chỉ có một tháng để chuẩn bị. Phát biểu bế mạc, anh Ma Hùng, người Tày ở Lạng Sơn đã nói “Những điệu múa, lời hát này ngấm ở trong máu của chúng tôi và chúng tôi chỉ cần “lấy ra” để khoe thôi”.

Thành công của sự kiện làm cho cả nhóm “ngất ngây”. Mọi người ngạc nhiên khi thấy sự kiện của mình được công chúng đón nhận, “hoá ra văn hoá của mình rất hay và khiến nhiều người thích thú”. Khi cộng đồng tự nhận ra những thứ giá trị mình có là lúc họ tự hào về mình trong tương tác với người ở cộng đồng khác. Sự tự hào này là cơ sở cho sự tự tin hơn, để rồi tự chủ ra quyết định hay lựa chọn.

Sau sự kiện này, Mạng lưới Tiên Phong chính thức được thành lập. Ngay cả cái tên “Tiên Phong vì tiếng nói của người dân tộc thiểu số” cũng là do các thành viên nhóm cân nhắc và lựa chọn.

Sự Tự hào – Tự tin được bồi đắp bền bỉ thông qua tiến trình học qua trải nghiệm. Mỗi một sự kiện diễn ra là một trải nghiệm với các thành viên của nhóm Tiên phong và ngay sau sự kiện, nhóm sẽ dành thời gian để nhìn lại những gì đã diễn ra, phân tích và rút ra bài học. Việc sử dụng Chu trình học qua trải nghiệm như một công cụ trong suốt tiến trình đồng hành là một yếu tố giúp cho sự học thực sự diễn ra một cách tự nhiên, liên tục và nhờ đó, sự tự tin của các thành viên Tiên Phong cũng được bồi đắp từng chút một. Đó là một sự tự tin có “chân đế” – tôi biết tôi là ai, tôi có gì và khác gì với anh. Và khi đã tự tin, các thành viên Tiên Phong cũng chủ động thực hiện những việc cần làm.



Ảnh: Vỡ mùa Mùa mới - Tôi tin Tôi có thể 2015.
Thành viên các nhóm dân tộc tại Đăk Nông tự phát triển các động tác múa từ các thực hành trong đời sống lao động hàng ngày của mình như nhổ cỏ, cắt lúa, v.v.



Ảnh: Anh Má A Pho - thành viên của mạng lưới Tiên Phong Lào Cai đánh giá công trình mương nước thuộc ngân sách 135 (ảnh cắt từ phim tài liệu dùng cho tọa đàm: Nghe từ lòng dân)

Khi iSEE thông tin về việc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 thực hiện đánh giá giữa kỳ, Tiên Phong đã chọn thực hiện một đánh giá độc lập để cung cấp thêm góc nhìn về hiệu quả của chương trình. Các thành viên tự nguyện làm việc này mà không có bất cứ một sự hỗ trợ nào về tài chính. Chị Trương Thị Thủy, dân tộc Mường tại Thanh Hóa kể: “Cứ sau mỗi ngày đi làm về, mọi người lại gặp nhau ở một nhà, pha trà, rót mía mời nhau, rồi cùng rù nhau đi tìm hiểu, thu thập câu chuyện”. Chị Lý Thị Hồng Kiều, dân tộc Khmer tại Sóc Trăng và anh Má A Pho, dân tộc Mông tại Lào Cai thì nói: “Cứ đi chợ thì kết hợp gặp rồi hỏi luôn mọi người”. Các câu chuyện mà các nhóm thu thập được liên quan đến các nội dung các chính sách hỗ trợ và cách thức triển khai tại địa phương, cung cấp một cái nhìn sâu sắc và chi tiết về hiệu quả của chương trình. Chị Luyện, dân tộc Nùng tại Lạng Sơn kể: “Tôi muốn lấy keo hạt nhưng họ lại cho giống keo hom. Khi lên nhận cây, tôi có hỏi lý do, nhưng chị cán bộ xã bảo ‘sao hỏi

nhiều thế, được cây gì thì trồng cây đó’, nhà tôi bực lắm, nhưng ‘không nói gì được, vì nó là cán bộ mình là dân không thể nói lại được’”. Những câu chuyện khác như cấp máy cắt cỏ cho hộ gia đình... không có cỏ và cuối cùng trở thành cục sắt gì trong kho, hay cấp phân bón cho hộ gia đình... không có đất canh tác cũng lần lượt được kể. Tự người dân phân tích rất rành rọt, cận kề những bất cập trong chính sách hỗ trợ vật tư nông nghiệp như không phù hợp với điều kiện canh tác, lãng phí, thiếu minh bạch trong quá trình thực hiện, v.v. và đề xuất các phương án đồng tổ chức, tự giám sát chương trình nhằm tiết kiệm, minh bạch hóa và đảm bảo hiệu quả. Những câu chuyện sau đó được chia sẻ trong sự kiện “Nghe từ lòng dân” do Tiên Phong tự tổ chức, cũng như tại nhiều diễn đàn, hội thảo do Ủy ban dân tộc và Văn phòng Giảm nghèo phối hợp với các bên liên quan tổ chức. Các phát hiện của Tiên Phong chạm đến tâm can bởi vì người dân có một lợi thế mà không một nhà nghiên cứu khoa học xã hội nào có được – thời gian để tương tác và “thấu hiểu” cộng đồng.

Để nuôi dưỡng sự tự tin, tự chủ đó, Tiên Phong rất cần nhiều cơ hội thực hành và học qua các trải nghiệm thực tế, để củng cố niềm tin vào khả năng của mình cũng như giá trị mà những điều đó mang lại. Mặc dù Tiên Phong được khởi xướng bởi iSEE, nhưng ngay từ ngày đầu thành lập, chúng tôi đã chuẩn bị cho sự rút lui của mình để Tiên Phong có thể tự chủ, tự quyết. Chính tâm thế này đã giúp cho chúng tôi luôn ý thức về vai trò đồng hành của mình, chuẩn bị các tiến trình chuyển giao và hướng dẫn hỗ trợ để Tiên Phong dần đảm đương các công việc từ nhỏ tới lớn.

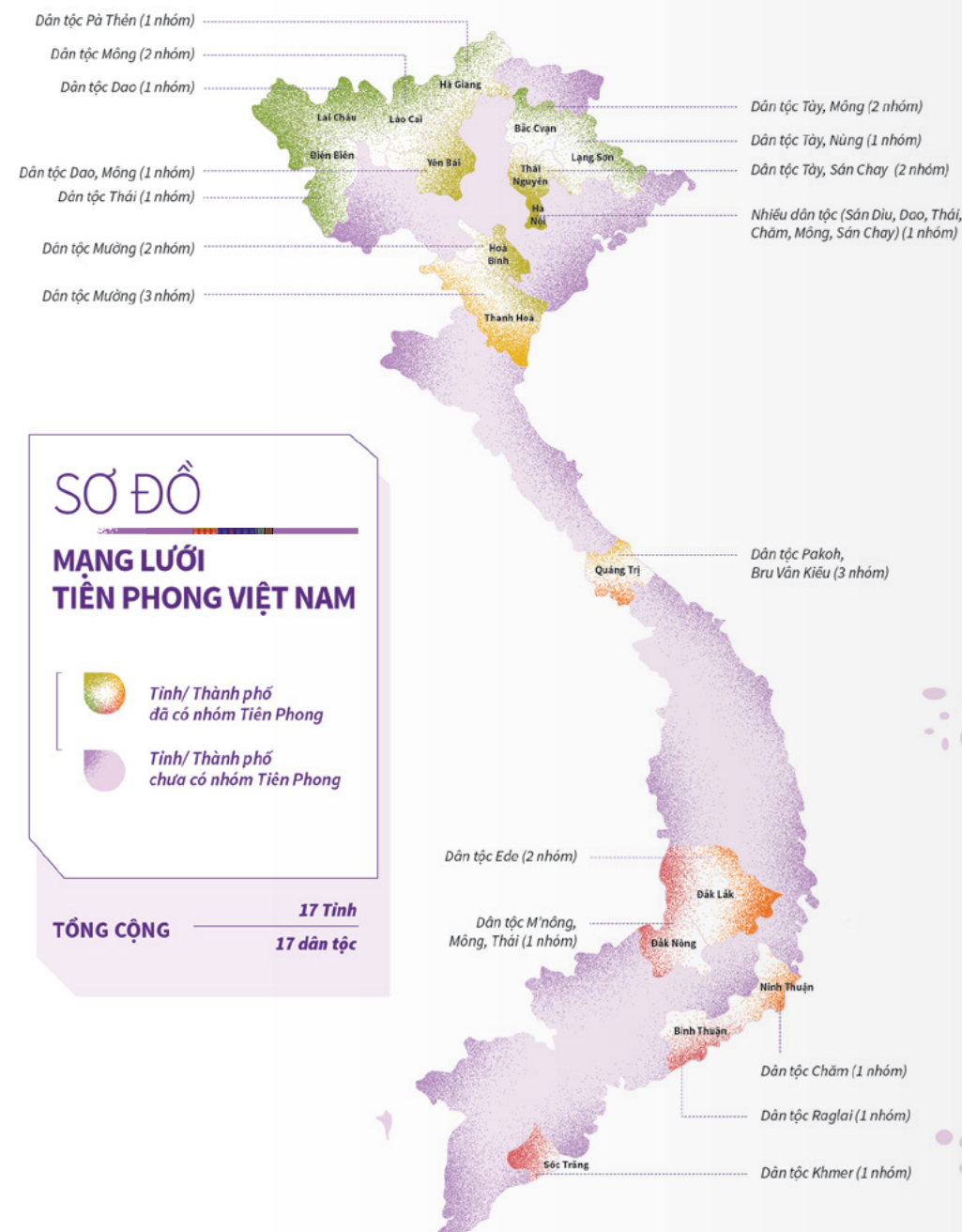
Phần lớn các hoạt động của Tiên Phong đều là những đề xuất, sáng kiến của các thành viên, bắt nguồn từ chính cộng đồng. Bởi chúng tôi tin rằng không ai hiểu vấn đề của cộng đồng bằng chính họ. Cách làm này không phải không gây bất ngờ với một số tổ chức phát triển khác. Khi nhìn thấy mục “sáng kiến cộng đồng” trong các kế hoạch dự án, câu hỏi chúng tôi thường nhận được là: sáng kiến về cái gì? trong lĩnh vực nào? v.v. Và chúng tôi chỉ có thể trả lời rằng, chưa thể biết cộng đồng sẽ làm gì vào lúc này, cộng đồng sẽ nói cho chúng ta biết họ cần gì, mong muốn và có thể làm gì.

Đồng thời, nhận thức rằng các thành viên đã được nuôi dưỡng và lớn lên trong môi trường văn hoá mà ở đó, sự tuân thủ, làm theo được khuyến khích nhiều hơn là sự tự quyết và khởi xướng, Tiên Phong cho phép mình dành thời gian để học và thực hành việc ra quyết định. Từ việc lựa chọn các thành viên đi ra Hà Nội họp, cho đến việc Tiên Phong có nhận lời mời tham gia hoạt động với một bên nào đó hay không, hay tổ chức triển khai một công việc ra sao, v.v. Tuy mỗi quyết định đều mất rất nhiều thời gian và đôi khi không mang lại kết quả, nhưng những trải nghiệm đó lại vô cùng quan trọng cho các thành viên cùng nhau phân tích, rút ra bài học, và quan trọng hơn, họ được thực hành sự tự chủ, tự quyết để nhận ra những giá trị cũng như thách thức của nó.

Quá trình thực hành đó rất cần có sự đồng hành, hướng dẫn hỗ trợ từ bên ngoài để việc học hiệu quả hơn. Quan sát các thảo luận và lựa chọn của Tiên Phong, chúng tôi nhận ra mọi người rất dễ bị ảnh hưởng bởi “hiệu ứng hào quang” trong các quyết định. Ví dụ như, khi một thành viên đạt được một thành tích nào đó thì ngay lập tức, người đó trở thành trung tâm và có xu hướng được lựa chọn cho các công việc tiếp theo, cho dù công việc đó có thể không liên quan đến năng lực, thành tích của người đó. Một thành viên được chọn làm cộng tác viên tại iSEE thì ngay lập tức được bầu vào một vị trí quan trọng của Ban điều hành Mạng lưới vì tin rằng người đó rất thạo việc, có khả năng điều phối công việc và phù hợp để đại diện cho Tiên Phong. Khi một thành viên có những chia sẻ rất thuyết phục, được nhiều người đánh giá cao tại một hội thảo tổng kết dự án thì ngày hôm sau, người đó sẽ được chọn để khai mạc cho một hoạt động khác của Tiên Phong, mặc dù người đó không trực tiếp tham gia từ đầu và không nắm rõ về nó. Những thực hành ra quyết định như vậy có nguy cơ dẫn đến những quyết định mang tính cảm tính, thiếu cơ sở. Với vai trò là người đồng hành, chúng tôi chia sẻ những quan sát của mình và đặt câu hỏi để cùng mọi người phân tích, học thêm về tư duy phân biện và tiến trình ra quyết định.

Ý thức về việc xây dựng tư cách độc lập của Tiên Phong nên mỗi khi nhận được lời mời cử đại diện cộng đồng tham gia các diễn đàn, hội thảo, thay vì tự chọn người, iSEE luôn đề nghị đối tác gửi thư mời trực tiếp cho Ban điều hành để dẫn xây dựng tính chính danh và khả năng tự quyết của Mạng lưới. Tại các diễn đàn, trong các văn bản dự án, tên của Tiên Phong luôn được nhắc đến như một đối tác độc lập và không phụ thuộc vào iSEE. Trong các sự kiện, Tiên Phong luôn hiện diện với vai trò “chủ nhà” từ đón khách, phát biểu khai mạc đến bế mạc. Tiên Phong cùng với đại diện iSEE chủ động tới gặp gỡ các nhà tài trợ, các đối tác phát triển, các cơ quan quản lý nhà nước như Ủy ban Dân tộc, Bộ Văn hóa – Thể thao – Du lịch để chia sẻ về định hướng phát triển trong tương lai và tìm kiếm cơ hội hợp tác. Gần đây, Tiên Phong bắt đầu thử nghiệm gây quỹ cộng đồng để tạo nguồn kinh phí hoạt động cho Mạng lưới và đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhiều cá nhân, tổ chức.

Qua hơn 6 năm hoạt động, Tiên Phong đã trở thành một Mạng lưới với hơn 200 thành viên đến từ 17 nhóm dân tộc ở nhiều tỉnh thành trên khắp cả nước. Tự định vị mình là một mạng lưới đại diện của những người dân, Tiên Phong lựa chọn sứ mệnh cùng nhau giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc, bảo tồn và phát triển tri thức bản địa, tham gia vận động chính sách và lan tỏa đến xã hội nhằm tạo ra sự hiểu biết đúng đắn về các cộng đồng dân tộc thiểu số, góp phần xây dựng một xã hội bình đẳng, đa dạng và phát triển bền vững. Hiện nay, Tiên Phong vẫn không ngừng khám phá và thử nghiệm để tìm ra một mô hình quản lý và cách thức vận hành phù hợp nhất, giúp Mạng lưới tự chủ, tự quyết trong quá trình thực hiện sứ mệnh của mình.



Anh Ma Văn Hùng, dân tộc Nùng tại Lạng Sơn kể, khi anh tham gia một hội thảo về sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số, một chuyên gia khi biết anh Hùng nuôi gà 6 tháng mới xuất chuồng đã lắc đầu bảo anh “cần thay đổi cách chăn nuôi, phải áp dụng khoa học, nuôi giống gà công nghiệp chỉ 3 tháng là bán được” thì anh trả lời: “Tôi nuôi 6 tháng nhưng bán được giá gấp đôi và hiện có 150 con người ta đã đặt mua hết không cần mang đi đâu bán” (thời điểm sát Tết). Anh Hùng nói thêm: “Có khi vị chuyên gia đó chưa bao giờ nuôi gà ấy chứ!”



Ảnh: Anh Ma Văn Hùng - nhóm Tiên Phong Lạng Sơn

Tạo cơ hội để người dân tộc thiểu số chủ động kể về mình

Nếu hai sự kiện “Tôi tin Tôi có thể” trong năm thứ nhất và thứ hai tập trung vào đời sống văn hoá, lễ hội của các dân tộc, thì sang năm thứ ba, cộng đồng kể câu chuyện về về tri thức. Sự kiện lần thứ ba lấy chủ đề là “Tri thức bản địa – Mạch sinh nguồn sống”, đặt lại vị thế của tri thức bản địa bên cạnh tri thức khoa học. Khi mà với nhiều người, tri thức khoa học vẫn được coi là thứ “đáng tin cậy” thì những nhận định theo kiểu “cần phải thay đổi phương thức làm ăn, phải áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến” vô tình hay cố ý đã phủ nhận giá trị của tri thức bản địa. Trong khi đó tri thức bản địa là thứ được tích lũy qua nhiều năm, thậm chí cả trăm năm, đôi khi phải đánh đổi bằng cả mạng sống của người dân, nên nó cần được hiểu đúng và trân trọng đủ. Đặt lại vị thế cho tri thức bản địa bên cạnh tri thức khoa học cũng là một cách gián tiếp thay đổi cách nhìn về những gì cộng đồng thiểu số đang có, và góp phần thay đổi tương quan về vị thế giữa người dân và nhà khoa học, giữa cộng đồng thiểu số và đa số.



Ảnh: Tôi tin Tôi có thể - Mạch sinh nguồn sống. Cô Lâu, người Tày chia sẻ về giống lúa bản địa ở quê của cô và giải thích sự phù hợp của nó với thổ nhưỡng địa phương

“Cuộc gặp của những diễn ngôn” và “Khoảnh khắc đạo đức” là chủ đề của “Tôi tin Tôi có thể” những năm tiếp theo, trong đó, các cộng đồng thiểu số chia sẻ về vũ trụ quan, nhân sinh quan của dân tộc mình. Sau khi nghe các câu chuyện của anh Y Bhiao Mlo, chị H’Nun Mlo, anh Y Tri Mlo – dân tộc Êđê đến từ Đắk Lắk và anh Kray Sức – dân tộc Pakoh đến từ Quảng Trị về cách cộng đồng nghĩ về rừng, ứng xử với rừng và ứng xử với nhau, chị Phạm Quỳnh Phương - Tiến sĩ Văn hoá đã lý giải thêm từ góc độ diễn ngôn: “Khi người Kinh nhìn rừng là quy ngay ra bao nhiêu mét khối gỗ, bao nhiêu tiền thì làm sao mà hiểu được vũ trụ quan của người Êđê coi rừng là rừng thiêng, là nơi nương náu, là có thần cây

mà mỗi khi xin một cái cây đều phải khấn!”. Hay câu chuyện của anh Tòng Văn Hân, người Thái tại Điện Biên về thực hành khi bắt được cá đang chứa thì sẽ đem thả chứ không ăn, và rất nhiều câu chuyện khác nữa, đã mở ra cơ hội cho cộng đồng đa số biết thêm về quan niệm đạo đức của các tộc người thiểu số và nó tác động như thế nào đến cách mà mọi người sống hòa hợp giữa con người với thiên nhiên.

Trong suốt hành trình hoạt động, Tiên Phong luôn là nơi để các cộng đồng dân tộc thiểu số được nói, được kể về mình. Đồng hành với Tiên Phong, iSEE giữ vai trò tạo ra các cơ hội để nuôi dưỡng và thúc đẩy tiếng nói của người trong cuộc được lắng nghe.

Tăng quyền năng thông qua tác động đến nhiều chiều cạnh của quyền lực

Nếu “empowerment” được hiểu là “trao quyền” hay “tăng quyền năng” nói chung, thì mô hình Khối Rubic Quyền lực gợi ý một chiến lược với nhiều chiến thuật đa dạng tác động đến các chiều cạnh khác nhau của quyền lực nhằm đạt được mục tiêu đó. Trong quá trình hình thành và phát triển Mạng lưới Tiên Phong, một loạt các chiến thuật đã được áp dụng nhằm tạo ra sự chuyển dịch về quyền lực (power shifting) giữa các cộng đồng thiểu số với cộng đồng đa số và những người đang được trao quyền lực hữu hình.

Ảnh: Các nhóm Tiên Phong địa phương đang hình dung lại vùng đất của mình đã thay đổi như thế nào (một phương pháp trong hoạt động đồng nghiên cứu về Luật tục về đất và tài nguyên)



Ở cấp độ cá nhân, **sức mạnh nội tại** (*power within*) và **sức mạnh tự cường** (*power to*) được đánh thức và nuôi dưỡng. Các thành viên được học để biết về quyền của mình, được biết nguồn gốc nhà nước ra đời như thế nào để hiểu vị thế của mình trong tương tác với “người nhà nước”. Các thảo luận về các giá trị như Tự do, Bình đẳng, Khoan dung giúp nhóm nhận biết và gọi tên được sự bất bình đẳng/phân biệt đối xử, tăng cảm thức về bất công (*sense of injustice*). Tuy nhiên, nếu chỉ dừng ở việc nhận ra sự bất công thì họ có thể rơi vào trạng thái cay đắng và bất lực. Trong quá trình đồng hành, các thành viên Tiên Phong cũng được trang bị các phương pháp, công cụ để có thể dễ dàng hơn cho việc lên tiếng. Đồng nghiên cứu và Photovoice là hai công cụ mà nhóm được giới thiệu để kể câu chuyện của mình một cách chủ động. Đồng nghiên cứu cho phép người dân cũng có thể tạo ra tri thức, chứ không chỉ có các nhà nghiên cứu, các nhà khoa học. Những tri thức đó chính là nền tảng để người dân cất tiếng nói. Photovoice là công cụ để người dân trình hiện - tự mô tả về mình, về cuộc sống của cộng đồng mình, chứ không chỉ bị chụp, bị tái trình hiện bởi người bên ngoài. Việc cung cấp các công cụ này là quá trình thúc đẩy niềm tin là mình có thể (*sense of possibility*).

Niềm tin là một quyền lực vô hình, khi thay đổi điều bạn tin, bạn sẽ thay đổi cách bạn làm. Quá trình xây dựng Tiên Phong cũng chính là quá trình tác động tới niềm tin của chính các thành viên Mạng lưới và cộng đồng của họ. Sau thời gian hoạt động, niềm tin rằng văn hóa của tộc người thiểu số là lạc hậu, nhiều “hủ tục” đã dần được chuyển thành mọi nền văn hoá đều bình đẳng và đáng trân trọng như nhau. Chính tên của sự kiện thường niên “Tôi tin Tôi có thể” cũng là một thông điệp, bởi khi tin là có thể thì chúng ta sẽ tiếp tục tìm kiếm các cách làm khác dù gặp nhiều trở ngại, còn một khi tin là không thể thay đổi được “thần phận” thì ta cũng sẽ “an phận”.

Ở cấp độ nhóm, **sức mạnh tập thể** (*power with*) được củng cố thông qua quá trình thúc đẩy cảm thức cộng đồng và hành động tập thể. Rất nhiều hoạt động xây dựng nhóm (*teambuilding*) đã được thực hiện, nhiều thảo luận, nhiều bài tập được thiết kế có chủ đích nhằm tăng cường **cảm thức thuộc về** (*sense of belonging*) của mỗi cá nhân đối với Mạng lưới.

Dự án bao gồm

1 Phần thảo luận online thông qua trang Facebook của ngày hội Tết Mông Xương Phố.




Xyoo Tshiab Nram Nroog - Tết Mông Xương Phố
@xyootshlabnramnroog

2

Thảo luận trực tiếp thông qua tọa đàm "Chuyện thời trang thời nay" với sự tham gia của nghệ nhân thổ cẩm Lý Thị Ninh, nhà thiết kế người Mông - Sa Bình, và NTK thời trang Thảo Vũ, cùng điều phối viên Khang A Tủa và thảo luận trực tiếp với các bạn thí sinh thi tìm kiếm tài năng Tub Ntxhais Vam Meej trong ngày hội Tết Mông xuống phố 2020 về chủ đề thời trang thời nay.





Giới thiệu

SÁNG KIẾN "TẾT MÔNG XUỐNG PHỐ" 2020

Chuyện của thời trang thời nay là một dự án truyền thông nhằm thúc đẩy thảo luận về vấn đề thời trang của người Mông trong bối cảnh hiện đại.

Ban tổ chức mong muốn thông qua dự án nhiều bạn trẻ người Mông sẽ ý thức được vai trò của mình trong việc giữ gìn và phát triển trang phục truyền thống của người Mông trong bối cảnh hiện đại ngày nay.





Vào buổi chính thức thành lập Tiên Phong vào năm 2015, mặc dù mọi người đã biết và làm việc cùng nhau từ khoảng bốn năm trước đó, nhưng việc gia nhập Tiên Phong cũng không được coi là "đương nhiên", mỗi thành viên cần trải qua một hoạt động đặc biệt để cảm thấy lựa chọn của mình là có ý nghĩa và được ghi nhận bởi các thành viên khác. Khăn màu đã được sử dụng để tạo ra một không gian khép kín biểu trưng cho "ngôi nhà Tiên Phong", từng người thể hiện quyết định của mình bằng cách bước vào vòng tròn và chia sẻ lý do vì sao mình chọn trở thành một phần trong tập thể này, trước sự chứng kiến của tất cả mọi người, như một "ngôi lễ" đánh dấu việc họ chọn đến với nhau vì chia sẻ những giá trị và mối quan tâm chung. Việc có một "danh tính chung" là "thành viên Tiên Phong" là một dấu mốc quan trọng tạo nên cảm thức thuộc về của mỗi thành viên.

Cảm thức sâu sắc thuộc về một nhóm nào đó thể hiện ở cả ba khía cạnh: thân, tâm, trí (physically, emotionally, and mentally belong). Danh tính tạo

ra sự thuộc về mặt thân thể. Thời gian đầu mới chỉ có danh tính "thành viên Tiên Phong" rồi trong tiến trình phát triển, mọi người dần tạo ra các danh tính mới theo địa phương như "Tiên Phong Điện Biên", "Tiên Phong Đắk Lắk", "Tiên Phong Cẩm Thủy", v.v. Mỗi lần gặp gỡ, mọi người luôn bắt đầu bằng việc chia sẻ về mình. Ban đầu là những điều đặc biệt của dân tộc mình, có thể là món ăn, điệu múa hay một thực hành văn hoá nào đó. Sau đó là những chia sẻ về một điều mới mẻ của cá nhân, gia đình kể từ lần gặp trước. Sự mới mẻ này có thể là có thêm con/cháu, làm nhà hay trồng thêm một loại cây nào đó. Những chia sẻ này tạo sự kết nối về mặt cảm xúc giữa các thành viên Mạng lưới. Ngoài ra, mạng xã hội cũng giúp cho nhóm có cơ hội kết nối mạnh hơn như gửi lời chúc nhau vào những dịp lễ, tết của các dân tộc; hay hỏi thăm, động viên nhau khi có người chia sẻ những việc không vui trên facebook, v.v. Điều này rất có ý nghĩa với các thành viên Tiên Phong, như bạn Đào, dân tộc Tày, Bắc Kạn chia sẻ "thấy mình có người thân trên khắp cả nước".

Cập nhật

SÁNG KIẾN BẢO TỒN NHẠC TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI KHMER

"Đó là loại nhạc giúp mình lên được với thế giới của Phật"
- Cô Lý Thị Hồng Kiều

Nhạc ngũ âm/ bát âm là loại nhạc truyền thống của người Khmer. Là sợi dây gắn kết giữa con người với Phật. Đời sống tôn giáo rất quan trọng đối với người Khmer.



Cùng với chiếc máy ảnh, các thành viên nhóm Tiên Phong Sóc Trăng sẽ đi thu thập lại các bài trình diễn nhạc cụ dân tộc và đi phỏng vấn những nghệ nhân chơi đàn, lưu giữ lại trí thức về các nhạc cụ.





Ảnh: Tiết mục biểu diễn của nhóm Tiên Phong, dân tộc Pakoh tại Quảng Trị trong sự kiện "Tôi tin Tôi có thể - Tri thức bản địa - Mạch sinh nguồn sống".

Cơ hội được bàn luận và lo lắng cho Tiên Phong là nền tảng tạo ra sự gắn bó về mặt trí. Mỗi lần gặp nhau tại Hà Nội, các thành viên dành rất nhiều thời gian để thảo luận các công việc của Tiên Phong, từ việc đặt tên cho Mạng lưới cho đến việc trả lời câu hỏi vì sao cần có Tiên phong? hay muốn Tiên phong trở thành cái gì sau 10 năm nữa? v.v Sự gắn bó đó thể hiện qua những niềm vui, sự tự hào sau mỗi sự kiện thành công. Sự thất vọng, lo lắng khi không thể sử dụng danh xưng, hình ảnh của Tiên Phong trong một hoạt động tại địa phương. Hay những hành động coi việc Tiên Phong là “việc nhà mình” như hướng dẫn nhau đi xe buýt để tiết kiệm tiền, xin phép hội thảo dành thời gian để giới thiệu về Tiên Phong, để nghị in logo Tiên Phong trên một ấn phẩm có sự đóng góp của mình, v.v. Các hoạt động không cần được phân định bởi tên dự án, tên nhà tài trợ, tên địa phương tham gia, bởi tất cả đều là của Mạng lưới Tiên Phong vì tiếng nói của người dân tộc thiểu số.

Gìn giữ và thực hành các giá trị được lựa chọn làm kim chỉ nam cho các hoạt động của Mạng lưới cũng là cách tạo nên sự gắn kết giữa các thế hệ thành viên Tiên Phong. Việc thường xuyên thảo luận, phân tư về việc thực hành các giá trị đã lựa chọn, bao gồm Bình đẳng, Tự do và Khoan dung, trong các ứng xử nội bộ cũng như với bên ngoài, luôn được chú trọng. Trong nội bộ, với sự đa dạng của mình, Tiên Phong hàm chứa rất nhiều sự khác biệt, mang lại nhiều cơ hội để các thành viên học và thực hành sự khoan dung. Với bên ngoài, khi Tiên phong lựa chọn phản hồi cho quảng cáo thuốc tăng lực Hồ vẫn hay những video clip về đám tang của người Mông, nhóm luôn trao đổi trong nội bộ và tham vấn cả các chuyên gia về văn hoá, nhân quyền để đảm bảo những phản hồi của mình mang tính xây dựng và không vô tình tấn công người khác. Chính việc không ngừng thực hành các giá trị này đã giúp cho thành viên Tiên phong gắn bó và yêu quý nhau, đồng thời, tạo được sự kết nối với các bên liên quan. Giá trị của Tiên Phong được gìn giữ bởi những thành viên nồng cốt hết sức tin tưởng và cam kết thực hành chúng, và được lan tỏa tới các thế hệ thành viên mới, tạo nên một tập thể gắn kết trên một nền tảng vững chắc.

Khái niệm không gian quyền lực giúp chúng tôi xác định rõ mục tiêu xây dựng năng lực cho cộng đồng, thông qua trả lời câu hỏi: “Tại mỗi không gian, các thành viên Tiên Phong sẽ cần có những năng lực gì để có thể thực hành tốt nhất quyền lực của mình?”

Việc thành lập Tiên Phong cũng chính là mở ra một không gian tự tạo của các nhóm dân tộc thiểu số, nơi mà tiếng nói của cộng đồng được nuôi dưỡng và thực hành. Không gian đó cũng đủ an toàn để các thành viên khám phá tiềm năng của mình, dám thử những việc chưa bao giờ làm. Có rất nhiều những “lần đầu tiên” đã diễn ra trong không gian này: lần đầu tiên làm người dẫn chương trình, lần đầu tiên tranh cử và bỏ phiếu công khai để bầu chọn thành viên Ban điều hành, lần đầu tiên thực hiện hợp báo, trao đổi với báo chí trước sự kiện, v.v. Vậy là trong không gian tự tạo, họ sẽ cần được nuôi dưỡng sự dám, sự sẵn sàng và được trang bị các kỹ năng để lên tiếng, khởi xướng và thực hiện các ý tưởng cùng nhau.

Sau khi khám phá và trau dồi khả năng của mình trong không gian tự tạo, các thành viên Tiên Phong có được sự tự tin và chuẩn bị kỹ lưỡng để bước vào không gian dân chủ đại diện và không gian đóng. Khi được mời tham gia chia sẻ tại một hội thảo tham vấn kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thành viên Tiên Phong đã lên gặp Ban tổ chức để yêu cầu được phát biểu trong buổi sáng khi biết chương trình hội thảo sẽ được rút ngắn. Điều này sẽ không thể có được nếu như họ chưa từng thực hành quyền lên tiếng và hiểu những giá trị mà nó mang lại. Trước mỗi cơ hội tiếp cận các không gian này, thành viên Tiên

Phong sẽ cần được trang bị thêm các kiến thức, thông tin về chuyên môn và các kỹ năng xử lý tình huống để tận dụng tốt nhất cơ hội. Khi đại diện Tiên Phong được mời đến chia sẻ kết quả đánh giá độc lập về chương trình Mục tiêu quốc gia về Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, với sự chuẩn bị kỹ càng về nội dung chương trình, thông tin thực tế tại địa phương, các câu chuyện và phát hiện của đánh giá, phần trình bày của Tiên Phong đã được các bên đánh giá cao.

Sau những trải nghiệm ở không gian tự tạo với Tiên Phong, các thành viên được khuyến khích tiếp tục tạo ra các không gian tương tự tại chính các địa phương của mình thông qua các sáng kiến - ở đó, họ thực hành quyền tự quyết trên cơ sở hiểu biết về địa phương, tinh thần công dân và hành động tập thể. Khi đó, họ lại cần được trang bị thêm các kỹ năng phân tích vấn đề, lựa chọn giải pháp, huy động cộng đồng và tổ chức công việc để cùng với người dân và chính quyền địa phương triển khai sáng kiến. Tại những không gian này, không chỉ có thành viên Tiên Phong, tinh thần Tự hào - Tự tin - Tự chủ của Tiên Phong tiếp tục được lan tỏa và truyền cảm hứng tới nhiều thành viên cộng đồng thông qua những hoạt động mà họ tham gia, trang bị thêm cho họ những năng lực cần thiết để sẵn sàng hơn trong các không gian quyền lực khác.



Ảnh: Nhóm Tiên Phong Bá Thước - Thanh Hóa tìm hiểu về ý nghĩa hoa văn thổ cẩm và kỹ thuật dệt truyền thống trong dự án Dệt câu chuyện mình.

Việc tác động đến nhiều chiều cạnh của quyền lực tạo ra nhiều khả năng tăng quyền năng của các cá nhân, nhóm cộng đồng. Có những can thiệp mang tính lâu dài như thay đổi niềm tin, nuôi dưỡng sức mạnh nội tại, và có cả những tác động ngắn hạn như tạo ra các cơ hội để học, để thử và sai. Trên hết, những trải nghiệm đa dạng về thực hành quyền lực sẽ giúp họ nhận ra các giá trị mà chúng mang lại, để từ đó vượt qua những trở ngại và củng cố niềm tin rằng thay đổi là có thể.

Tạo thay đổi xã hội thông qua tác động đến diễn ngôn

Để có thể giải huỷ những định kiến tộc người đang được nhóm đa số lan truyền và nội tâm hoá bởi chính các nhóm thiểu số, một trong những chiến lược của Tiên Phong là thách thức lại các diễn ngôn thống soát. Những nhận thức về ảnh hưởng của Tiến hoá luận đơn tuyến đã giúp Tiên phong đặt lại câu hỏi với những diễn ngôn ăn sâu bám rễ trong cách nói, cách hiểu về người dân tộc thiểu số tới mức mọi người đón nhận nó như những chân lý.

Trong hội thảo “Liệu miền núi có cần tiến kịp miền xuôi?”, người tham dự đã có cơ hội để bàn luận về cái điều tưởng như đương nhiên đúng: miền núi đang lạc hậu hơn, không phát triển bằng miền xuôi. Khái niệm giàu - nghèo được mang ra thảo luận: thế nào là giàu? ai là người định nghĩa sự giàu? trong khi quan niệm phổ biến của người Kinh, giàu nghĩa là “có của ăn của để” thì người Thái lại cho rằng, giàu là có của để mang đi phân phát, vậy theo “chuẩn” của ai? Diễn ngôn thống soát về giàu có, thịnh vượng, phát triển của số đông và thường được coi là duy nhất đúng, chỉ đến khi xuất hiện những diễn ngôn của các nhóm thiểu số, người ta mới giật mình nhận ra nó không phải là duy nhất.

Đặc biệt, toạ đàm “Cuộc gặp của những diễn ngôn” đã mở ra không gian để bàn về diễn ngôn và quyền lực của nó. Tại đây, diễn ngôn về “vùng sâu, vùng xa” đã được hai khách mời là tiến sĩ văn hoá và nhân học phân tích từ góc nhìn trung tâm và ngoại biên. Ngay lập tức, một thành viên của Tiên Phong Đăk Lăk, anh Y Tri Mlo đã nói: “Giờ tôi mới nhận ra là tôi đang ở chính nhà của mình, ở vùng đất của mình mà sao lại cứ bảo là tôi ở vùng sâu vùng xa, xa là xa so với đâu?” Khoảnh khắc phản tư tuyệt vời đó đã giúp rất nhiều người đa số nhận ra rằng họ đang sống trong một bề nghĩa mà ở đó dường như chưa có chỗ cho những diễn ngôn của các nhóm thiểu số.



Ảnh: Tiếp nối tọa đàm Cuộc gặp của những diễn ngôn.

Nhóm Tiên Phong thay đổi diễn ngôn thông qua nghệ thuật. Trong ảnh là tác phẩm trình diễn Thiêng liêng và hỗn độn, nhóm Tiên Phong Lào Cai xóa đi những diễn ngôn về hủ tục, lạc hậu đang trói chặt đời sống của mình.

Không chỉ đặt lại câu hỏi cho những diễn ngôn thống soát, Tiên Phong còn cung cấp thêm những cách nói, cách hiểu gần hơn với thực hành của các nhóm thiểu số.

Triển lãm photovoice “Văn hóa của mình” trưng bày những bức ảnh và câu chuyện do chính các thành viên cộng đồng chụp và kể về những thực hành văn hóa của các tộc người. Từ đó, bên cạnh những diễn ngôn về mê tín dị đoan về tục thờ bệnh của người Pakoh, khán giả được cung cấp thêm một cách lý giải khác rằng đó là cách chữa bệnh kết hợp bằng thuốc và tâm lý, trong ống thổi có lá thuốc có tác dụng chữa

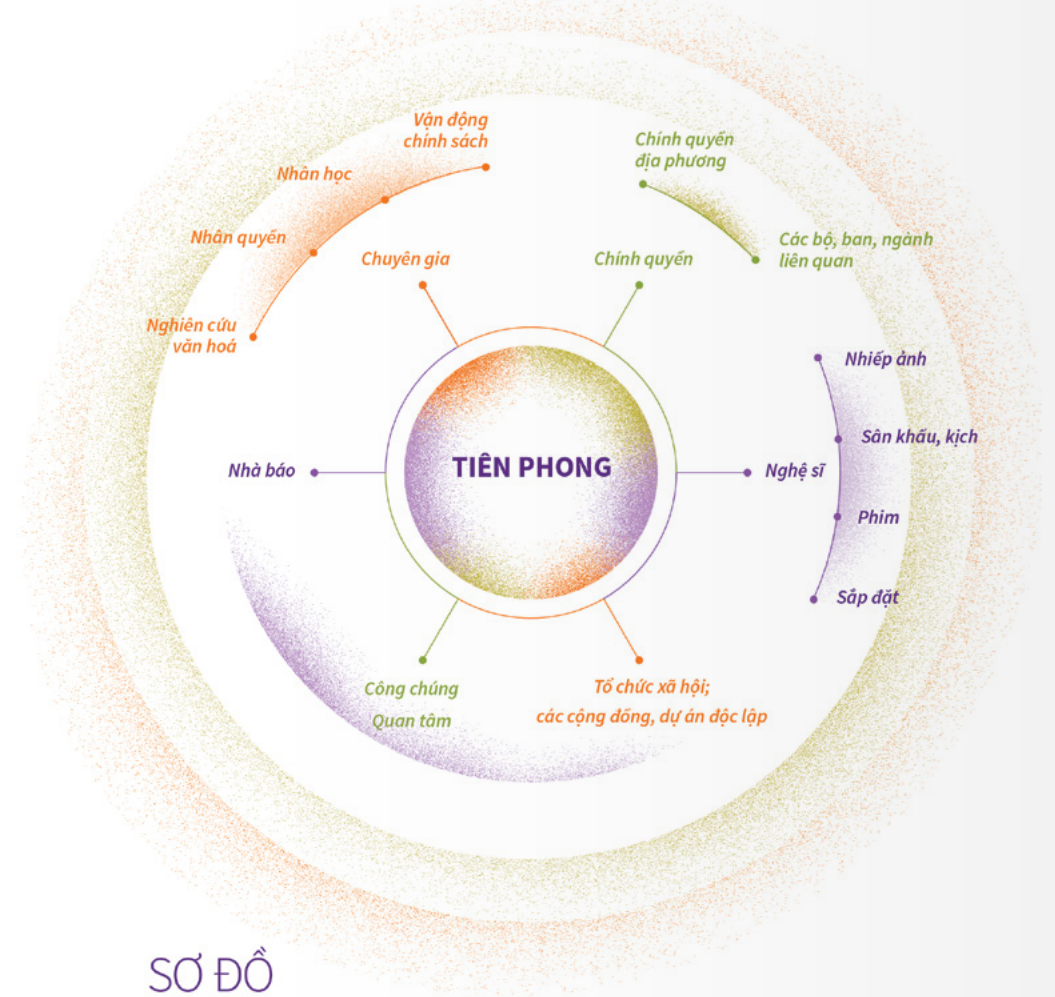
bệnh, và với uy tín của thầy mo, người bệnh có thêm sự lạc quan, tin tưởng để vượt qua bệnh tật. Hay tiết mục tái hiện tục kéo vợ của người Mông trong sự kiện “Tôi tin Tôi có thể” mang lại cho khán giả một góc nhìn khác về thực hành này, thay vì tên gọi “tục cướp vợ” và cách hiểu sai rất phổ biến trên truyền thông v.v.

Tạo cơ hội để tiếng nói người trong cuộc được lắng nghe chính là cách iSEE tác động đến diễn ngôn thông qua việc tăng cường sự xuất hiện và tầm ảnh hưởng của những diễn ngôn bên lề, góp phần thay đổi cán cân quyền lực giữa các nhóm trong xã hội.

Xây dựng mạng lưới đồng minh

Nhìn từ góc độ quyền lực và diễn ngôn, Tiên Phong là những người dân bình thường và đang có một vị thế rất khiêm tốn khi lên tiếng. Chính vì vậy, việc có các đồng minh để tiếng nói của Tiên Phong dần có thêm sức mạnh là điều cần thiết. Với vai trò là người đồng hành, iSEE xác định chiến lược lựa chọn đồng minh của Tiên Phong là tìm những người chia sẻ giá trị, bổ sung những năng lực mình còn thiếu, và tôn trọng các nguyên tắc về tính tự chủ, tự quyết của Mạng lưới trong quá trình hợp tác. Trong giai đoạn đầu, iSEE kết nối Tiên Phong với những người phù hợp. Sau đó, trong quá trình phát triển của mình, Tiên Phong chủ động tìm kiếm và tạo dựng các mối quan hệ của riêng mình. Cho đến nay, Tiên Phong đã thiết lập được mạng lưới đồng minh với một số nghệ sĩ/người thực hành nghệ thuật, nhà nghiên cứu/chuyên gia, nhà lập chính sách và những người ủng hộ nói chung.

Ảnh: Đại diện mạng lưới Tiên Phong và iSEE gặp Vụ văn hóa dân tộc thuộc Bộ VH-TT-DL



SƠ ĐỒ

MẠNG LƯỚI ĐỒNG MINH CỦA TIÊN PHONG

Các nghệ sĩ/người thực hành nghệ thuật được lựa chọn để hợp tác với niềm tin rằng các thành viên Tiên Phong có câu chuyện – những người tạo tiếng và các nghệ sĩ thì có phương pháp biểu đạt – những người tạo hình. Tiếng và hình kết hợp với nhau sẽ cho ra một tác phẩm đồng sáng tác. Sau thành công của dự án *Cụng – Đụng – Chạm*, Tiên Phong đã có rất nhiều lần kết hợp với các nghệ sĩ/người thực hành nghệ thuật để thực hiện các tác phẩm trưng bày trong các sự kiện “Tôi tin Tôi có thể”, giúp cho những câu chuyện, thông điệp của cộng đồng đến gần hơn với khán giả. Quá trình tương tác với các nghệ sĩ không chỉ tạo ra những sản phẩm có tác động xã hội mà còn giúp thay đổi chính góc nhìn của những người làm nghệ thuật về các nhóm dân tộc thiểu số cũng như niềm tin, vai trò của họ trong việc thúc đẩy sự bình đẳng, khoan dung trong xã hội.

Nhóm các nhà nghiên cứu, chuyên gia đã hợp tác với Tiên Phong từ rất sớm là các anh chị đang công tác trong các lĩnh vực nhân học, văn hoá, nhân quyền và truyền thông. Họ không chỉ chia sẻ với Tiên Phong những kiến thức chuyên sâu của mình, mà còn dùng những kiến thức đó để giúp làm sắc nét hơn các thông điệp của Tiên Phong và khiến chúng đến được với nhiều người hơn. Ví dụ, khi bàn về diễn ngôn “người dân tộc thiểu số trông chờ ỳ lại”, anh Kray Súc chia sẻ về việc trong ngôn ngữ Pakoh không có từ “ỳ lại” mà chỉ có từ “tôn ngưng” với hàm ý về sự giúp đỡ nhau trong cộng đồng, và từ khi từ “ỳ lại” du nhập vào cộng đồng thì cách ứng xử giữa các thành viên trong cộng đồng cũng biến đổi. Tiến sỹ Văn hóa Thu Giang dùng câu chuyện đó để lý giải về tính bất khả ước trong thông điệp, qua đó giúp khán giả nhận thức được sự xâm chiếm và ảnh hưởng của các diễn ngôn thống soát. Bên cạnh đó, sự xuất hiện của các chuyên gia trong một số sự kiện cũng thu hút được sự quan tâm của những người đang làm trong lĩnh vực phát triển và hoạch định chính sách, mở ra cơ hội thảo luận và phân tư về cách thức làm phát triển hiện nay tại Việt Nam. Gần đây, Tiên Phong cũng bắt đầu mở rộng mạng lưới chuyên gia của mình tới các chuyên gia cộng đồng - các nghệ nhân, nhà nghiên cứu cộng đồng, những người đang nắm giữ rất nhiều tri thức bản địa của các dân tộc và có nhiều tiềm năng đóng góp cho tiếng nói của cộng đồng.

Ngoài ra, Tiên Phong cũng có cơ hội làm việc cùng các cơ quan như Ủy ban Dân tộc, Văn phòng Giám nghèo thuộc Bộ LĐ-TB-XH, Vụ Văn hóa dân tộc thuộc Bộ VH-TT-DL, v.v. Qua quá trình hợp tác, Tiên Phong cũng đã kết nối được với một số nhà xây dựng chính sách, những người hiểu được giá trị và sẵn sàng lắng nghe quan điểm từ người dân để có thể xây dựng các chính sách phù hợp, hiệu quả hơn với các nhóm dân tộc thiểu số. Các anh chị sẽ là những cầu nối quý giá giúp truyền tải và phản ánh những ý kiến của cộng đồng vào các văn bản, chính sách.

Cuối cùng, mạng lưới đồng minh không thể thiếu những người ủng hộ Tiên Phong. Họ là những người đã từng tham dự các sự kiện của Tiên Phong hoặc biết đến hoạt động của Tiên Phong qua truyền thông, qua bạn bè, qua mạng xã hội. Họ là những người chia sẻ tâm huyết bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, ngành nghề truyền thống. Họ là những người được truyền cảm hứng từ các công việc của Tiên Phong v.v. Fanpage của Mạng lưới đã có 3,600 người thích và hơn 3,800 người theo dõi. Trong đợt gây quỹ cộng đồng lần đầu tiên²¹, Tiên Phong đã nhận được sự đóng góp từ khoảng 130 cá nhân, nhóm/tổ chức.

²¹ Các hoa văn được sử dụng để thiết kế cho quyền tài liệu này được lấy nguồn từ sách “Dòng chảy sắc màu”. Đây là sản phẩm của đợt gây quỹ cộng đồng đầu tiên của Tiên Phong

Phần 4

BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Như đã chia sẻ trong phần Đặt vấn đề, hành trình hơn một thập kỷ đi cùng các cộng đồng dân tộc thiểu số đối với chúng tôi là một hành trình **NGỘ ra, TIN vào và ĐỒNG KIẾN TẠO** một cách làm khác về phát triển. Chúng tôi đã học được rất nhiều những bài học quý giá để có thể tổng kết và chia sẻ ở đây, hy vọng sẽ hữu ích với các bạn.

1.

Chương trình phát triển cần có các khung lý thuyết nền tảng để thiết kế chiến lược và hoạt động can thiệp

Quá trình xây dựng và đồng hành với Tiên phong đã chỉ ra tầm quan trọng của lý thuyết. Nhờ có các khung lý thuyết về tiếp cận nhân học, diễn ngôn, quyền lực, công lý xã hội và xây dựng cộng đồng mà các can thiệp được thiết kế có chiến lược, có cơ sở để tạo ra những thay đổi mang tính căn cốt và tránh rơi vào bẫy tiếp tục củng cố các định kiến về người dân tộc thiểu số như một số dự án về sinh kế, tạo việc làm tăng thu nhập cho người dân tộc thiểu số, do quá tập trung vào thay đổi sự “lạc hậu” của họ mà bỏ qua tác động vào cấu trúc để tái phân phối.

3.

Nuôi dưỡng và thúc đẩy việc thực hành giá trị rất quan trọng trong xây dựng cộng đồng

2.

Người làm phát triển cần có triết lý và niềm tin về phát triển, để từ đó xác định đúng vai trò của mình

“Khi bạn thay đổi điều bạn tin, bạn sẽ thay đổi cách bạn làm”. Chúng tôi tin rằng cộng đồng có đủ năng lực để tự quản lý cuộc đời mình, họ chỉ đang bị trói buộc bởi các định kiến. Chính vì vậy, thay vì đến để “dạy” cho cộng đồng cần phải phát triển như thế nào, thì người làm phát triển chỉ đến để giúp cộng đồng nhận ra các dây trói của mình và tin rằng họ có thể tự tháo bỏ được dây trói đó. Niềm tin này giúp chúng tôi xác định rõ vai trò đồng hành của mình, vai trò của một chiếc gương giúp cộng đồng tự suy tư và lựa chọn.

Lỗi của một cộng đồng chính là các giá trị mà họ đề cao, sứ mệnh của họ sẽ cần trả lời câu hỏi họ muốn tạo ra và lan tỏa những giá trị nào. Đồng thời, giá trị cũng chính là sợi dây gắn kết giữa các thể hệ thành viên của cộng đồng, để họ luôn có được cảm thức thuộc về cộng đồng đó. Do vậy, việc nuôi dưỡng và thúc đẩy việc thực hành các giá trị đã được lựa chọn là vô cùng quan trọng. Tiên Phong tin vào và muốn lan tỏa các giá trị Tự do, Bình đẳng, Khoan dung trong xã hội, do đó, chính các thành viên Tiên Phong cần luôn quan sát và suy tư về những thực hành này của mình trong nội bộ và trong ứng xử với các bên khác.

4.

Học “từng khoảnh khắc”

Khi hiểu học là điều mình có thêm - một cách nhìn mới cho vấn đề cũ hoặc nhìn ra thêm một vấn đề mới, thì học sẽ không phải chỉ là tập huấn. Chúng tôi luôn đề cao sự học và nỗ lực không ngừng xây dựng văn hóa học trong cộng đồng mà chúng tôi cùng làm việc, thông qua việc áp dụng lý thuyết học qua trải nghiệm để biến mỗi điều mà nhóm trải qua đều trở thành một cơ hội học. Để học cho thấu đáo, sự học cần diễn ra ở cả ba cấp độ để chúng ta không bị “ngủ quên” với những thói quen trong tư duy và hành động, và kịp thời nhận ra những thay đổi cần thiết. Câu hỏi Tại sao ở cấp độ 3 đã khiến chúng tôi phải phân tư về chính những gì mình từng tin tưởng về cái được gọi là phát triển.

5.

Tạo dựng một “hệ sinh thái” cho sự phát triển

“Muốn đi nhanh thì đi một mình, muốn đi xa hãy đi cùng nhau”. Trong hành trình đồng hành với Tiên Phong, chúng tôi nhận thấy rằng mỗi bên tham gia đều đóng một vai trò và làm gia tăng giá trị của công việc chung. Những nghệ sĩ/người thực hành nghệ thuật thoát nghĩ chẳng liên quan nhiều tới các nhóm dân tộc thiểu số, nhưng những tác phẩm đồng sáng tác của họ với cộng đồng đã tạo ra những hiệu ứng bất ngờ. Những nhà nghiên cứu, chuyên gia tưởng chừng chỉ đứng từ xa quan sát các vận động xã hội, nhưng lại có những đóng góp vô cùng to lớn trong việc thiết kế và thực hiện các can thiệp cộng đồng. Mọi sự phát triển đều cần một “hệ sinh thái” để tạo ra những khả năng cho nó. Do vậy, hãy giữ một thái độ mở và không ngừng sáng tạo để tạo dựng một môi trường mà ở đó bất kỳ ai tham gia cũng có thể phát huy tiềm năng của mình cho sự phát triển mong muốn.

Lời kết

Hơn 10 năm làm chương trình Dân tộc thiểu số của viện iSEE là 10 năm của học hỏi và bồi đắp thêm tri thức về phát triển. Những lý thuyết, những phương pháp tiếp cận chúng tôi viết trong tài liệu này là những kết quả của quá trình phân tư và học liên tục để lựa chọn chứ không phải là thứ được chọn ngay tại thời điểm khai sinh của chương trình năm 2008. Trong cả tiến trình ấy, điểm neo chúng tôi lại để chất vấn, phân tư, và học hỏi là những giá trị của iSEE - Tự do, Bình đẳng, Khoan dung - và tầm nhìn về vấn đề mà iSEE muốn thay đổi, là vẻ đẹp trong cách nghĩ, cách sống của các thành viên nhóm Tiên phong và cộng đồng của các anh chị tại địa phương.

So với năm 2008, khi iSEE bắt đầu làm về lĩnh vực dân tộc thiểu số, vấn đề định kiến tộc người đã có nhiều thay đổi. Những đánh giá về hiệu quả của các chính sách giảm nghèo đã thừa nhận định kiến kỳ thị là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng xấu tới kết quả. Những diễn ngôn như “Miền núi cần tiến kịp miền xuôi” đã từng được coi như một lẽ đương nhiên giờ đã được mang ra để chất vấn về tính đúng đắn. Ngày càng nhiều nhân tố tham gia vào quá trình thay đổi nhận thức xã hội và nhờ vậy iSEE đã kết nối với rất nhiều cá nhân, cộng đồng cùng chia sẻ giá trị đa dạng văn hóa. Những người chia sẻ quan điểm với iSEE, trước hết là những cộng đồng dân tộc thiểu số mà chúng tôi làm cùng, sau là những cơ quan ban ngành, các nhà báo, nhà nghiên cứu, nghệ sĩ và công chúng. Mạng lưới Tiên Phong Việt Nam đã chủ động cất tiếng nói của mình trong các không gian công cộng cũng như trong các môi trường chính sách để đóng góp những diễn ngôn của người trong cuộc.

Định kiến tộc người và tư tưởng tiến hóa luận phân loại văn hóa thấp - cao là những tồn tại có tính hệ thống. Vì vậy iSEE và Tiên phong vẫn cần thêm rất nhiều nỗ lực và sự chung tay của những người tôn trọng bình đẳng và tự

do để có thể tạo ra những thay đổi về cấu trúc ở chặng đường phía trước. Thời điểm hoàn thiện tập tài liệu này, Việt Nam đang thực thi giãn cách xã hội bởi ảnh hưởng của Covid-19. Dịch bệnh tạo ra những thách thức mới cho công việc của iSEE nói riêng và với ngành Phát triển nói chung. Việc thay đổi phương thức làm việc không chỉ đặt câu hỏi về hiệu quả hoạt động hay cách thức tổ chức mà còn là cơ hội và thách thức trên một địa hạt mới - internet - nơi mà những vấn đề dân tộc thiểu số được trình hiện một cách đa dạng, mới mẻ và phức tạp, với tốc độ và mật độ lan truyền nhanh hơn bao giờ hết.

Những thách thức đó một mặt là mới và mặt khác cũng cho thấy tính bất biến của công việc phát triển là luôn phải đối diện với sự thay đổi và vì vậy luôn đòi hỏi sự khiêm nhường ở những người đồng hành để học. Đứng trước những thách thức mới, việc cùng nhìn lại tiến trình đồng hành và phát triển với các cộng đồng dân tộc thiểu số càng có ý nghĩa với iSEE. Nói giúp củng cố triết lý phát triển mà iSEE đã tin và lựa chọn - cộng đồng sẽ là chủ thể để giải quyết vấn đề của mình. Nó giúp khẳng định tầm quan trọng của việc thực hành các giá trị tự do, bình đẳng, khoan dung. Nó giúp hệ thống hoá những tiến trình và phương thức xây dựng năng lực và xây dựng cộng đồng - tự hào, tự tin, tự chủ. Và đó là những “vốn liếng” để iSEE tiếp tục ứng xử trong bối cảnh mới, thách thức mới.

Chia sẻ câu chuyện của mình, chúng tôi hy vọng nội dung của quyển sách này tới được với độc giả, những người làm phát triển, những người quan tâm tới vấn đề xã hội hay chủ đề dân tộc thiểu số. Chúng tôi hy vọng chúng ta sẽ cùng suy ngẫm, cùng học, cùng tìm tòi hướng đi, cách làm phù hợp cho mỗi người, cho công việc của mình và đóng góp thêm những giá trị cho phát triển.

Thân mến,

Nhóm biên soạn

Biên soạn	Nguyễn Thị Bích Tâm Phạm Minh Ánh	Nguyễn Thùy Linh Dương Khánh Huyền	Nguyễn Vũ Hải Bùi Thu Hà	Nguyễn Bảo Ngọc
Hiệu đính	TS. Nguyễn Thu Giang			